

Tin Nhà

Nouvelles du Pays
News from Home

Mùa Xuân (Printemps-Spring) — Avril 1997

Bulletin trimestriel N° 27
TIN NHA, 54 avenue Léon-Blum
92160-Antony, France

Sô đặc biệt

Tôn-Thất-Thiện

Luận bàn
về
'Tư tưởng Hồ-Chí-Minh'

Paris, Mùa Xuân 1997

Mục lục

<i>Thay lời giới thiệu</i>	3
I. Do đâu có sự đề xướng về ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ ?	5
II. Cán bộ Đảng lờ mờ về ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’	10
III. ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ và ‘đường lối Hồ-Chí-Minh’	15
IV. Di sản của Hồ-Chí-Minh	21
V. Tạm kết	26

Thay lời giới thiệu

Có nên luận bàn về tư tưởng Hồ-Chí-Minh không? Rất nên. Tư tưởng nào chẳng đáng suy xét, bàn luận. Huống hồ tư tưởng của một nhân vật đã từng nắm trong tay vận mạng đất nước vào một trong những thời kỳ biến động nhất của lịch sử nhân loại.

Nhưng làm cách nào để bàn luận về một tư tưởng không hề có? Vì không hề có tư tưởng Hồ-Chí-Minh! Và trong bài khảo luận này Tôn-Thất-Thiện không bàn về tư tưởng Hồ-Chí-Minh. Anh bàn về “Tư tưởng Hồ-Chí-Minh”. Đôi ngoặc kép tự nó là một lời bình chửi vừa mỉa mai vừa nghiêm khắc, nhưng được tác giả dẫn chứng cách nghiêm túc và vô tư qua suốt bài khảo luận. Nói tới ‘*tư tưởng Hồ-Chí-Minh*’, là nói về một con số không được các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Việt-Nam cùng đường măt hướng cố tố vẽ để làm bình phong cho sự nghèo nàn về tư tưởng và làm bùa hộ mệnh cho những chiếc ghế đương chao đảo. Tuy nhiên, con số không có nhân lên trăm ngàn lần, ‘định hướng xã hội chủ nghĩa’ có trang điểm bằng bao nhiêu màu sắc quốc gia dân tộc truyền thống, trước sau vẫn là con số không. Vẽ nó càng lớn, người ta nhìn càng rõ.

Kể ra cũng oan cho ông Hồ. Sinh thời đã có khi nào ông ngớ ngẩn đến nỗi tự coi mình như một nhà tư tưởng. Ông có những tư tưởng này nọ như bất cứ ai. Nhưng ông không hề đưa ra một tư tưởng theo nghĩa một quan niệm về vũ trụ, về thế giới, về con người và xã hội loài người. Chính ông khẳng định : “Không, tôi không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin. Tôi chỉ có phương pháp để giải quyết thỏa đáng từng vấn đề của ta. Như tôi thường nói : ‘lạt mềm buộc chặt’, đó là phương pháp buộc cái gì đó của tôi. Mà cho đến phương pháp như vậy thì cũng có sự chỉ biểu của phương pháp biện chứng. Chớ còn tư tưởng là quan niệm về vũ trụ, về thế giới và về xã hội con người thì tôi là học trò của Mác-Ăngghen, Lênin, chớ làm gì có tư tưởng ngoài triết học Mác” (tr. 13).

Ông Hồ, cũng như nhiều nhà chính trị, đã nói nhiều điều không đáng tin, nhưng ở đây, phải công nhận ông nói thật. Và nói như vậy không phải tự hạ. Ở đời này, ai chẳng có ít nhiều suy tư, nhưng đề ra một hệ thống tư tưởng đâu có phải chuyện tầm thường. Trên những nẻo đường của lịch sử, họa hoằn lầm ta mới bắt gặp một tư tưởng gia thú thiệt. Ngay cả Mao-Trạch-Đông chẳng hạn : người ta có thể nói về đường lối cách mạng của Mao-Trạch-Đông, nhưng làm gì có ‘tư tưởng Mao-Trạch-Đông’! Nhận rằng mình không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng Mác-Lê, Hồ-Chí-Minh tỏ ra mình là người sáng suốt. Hơn nữa, ông có đủ khiêm tốn để nhìn ra rằng ngay cả phương pháp hành động của ông cũng lệ

thuộc ‘phương pháp biện chứng’. Nói cách khác, cái gọi là ‘đường lối Hồ-Chí-Minh’ vẫn không “ra khỏi cái khung mác-lênin mà ông đã kiên quyết tự đặt mình vào” (tr. 15). Phong cách uyển chuyển trong hành động thể hiện qua thành ngữ ‘lạt mềm buộc chặt’, và tác phong hài hòa có thể có nơi một cá nhân như Hồ-Chí-Minh cũng phải quy về ‘phương pháp biện chứng’. Mà phương pháp biện chứng là gì nếu không lại là cái mô hình mác-lê. Dưới sự ‘chỉ biếu’ của mô hình này, ‘lạt mềm buộc chặt’ mất đi tính chất uyển chuyển, hài hòa. Còn lại thủ đoạn và mánh lới nhằm áp dụng triệt để, toàn vẹn và máy móc những chỉ thị của Đệ tam Quốc tế (với ngôn ngữ của Đảng cộng sản việt-nam, áp dụng máy móc được gọi là ‘vận dụng sáng tạo’).

Hồ-Chí-Minh đi tìm đường cứu nước đã chọn chủ nghĩa mác-lê. Chọn chủ nghĩa này, đương nhiên ông đã thay đổi mục tiêu tranh đấu. Độc lập, nếu không là một phương tiện, cùng lầm cũng chỉ được coi như một giai đoạn tiến tới mục tiêu to lớn hơn : cách mạng xã hội chủ nghĩa, cải tạo thế giới và con người bằng bạo lực. Hậu quả : “Ông Hồ đã ghép cứng độc lập Việt-Nam vào chủ nghĩa cộng sản và cột chặt số phận Việt-Nam vào Liên-Xô và phong trào Quốc tế cộng sản” (tr. 22).

Nay khối Liên-Xô không còn. Thảm kịch mở màn cách đây 80 năm với Cách mạng tháng Mười như một sự đe dọa khủng khiếp và một trật như một tia hy vọng của thế kỷ 20, đã kết thúc năm 1991. Thảm kịch kết thúc, nhưng lịch sử tiếp tục. Thảm kịch kia có chiều sâu, có bề dày lịch sử của nó. Biết đâu một thảm kịch khác chẳng đương manh nha giữa cảnh ‘tàn cầu hóa’? Lịch sử sang trang. Nhưng bài học lớn của lịch sử cũng dạy ta rằng mỗi trang của lịch sử thường được viết bằng máu và nước mắt. Cảnh giác là phải. Nhưng không nên bày đặt chuyên ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ để phủ nhận thực tại và bảo vệ đặc quyền đặc lợi. Làm thế, khác nào chôn ông Hồ một lần nữa.

Trong khi đó, rất có thể còn có một di sản nào đó của Hồ-Chí-Minh đáng được trân trọng và tiếp nối, ít ra nơi những người cộng sản. Nhìn lại lịch sử cận đại nước nhà, thấy ngoài ông Ngô-Đình-Diệm, không có nhân vật nào bị chửi rủa và được ca tụng bằng ông Hồ-Chí-Minh. Một sự kiện ấy đủ bắt ta suy nghĩ xa hơn những chuyện yêu, ghét, thù, bạn... Nhưng đây là một vấn đề khác rồi sẽ phải đặt ra cách sòng phẳng. Trong khi chờ đợi mong rằng *Luận bàn về ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’* của giáo sư Tôn-Thất-Thiện góp phần vào việc nhận diện quá khứ, tổng kết chuyện cũ, dọn đường cho một không gian đối thoại thanh thản và vô tư hơn giữa người Việt với người Việt, từ mọi phương hướng.

Tin Nhà

I. Do đâu có sự đề xướng về ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ ?

Ai nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí-Minh và lịch sử Đảng cộng sản việt-nam chắc đều nhận thấy rằng trước khi ông Hồ-Chí-Minh qua đời, năm 1969, và gần 30 năm sau đó, cụm từ ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ chỉ được dùng lai rai lẻ tẻ và ở một tầm quan trọng thấp trong các tuyên bố của các lãnh tụ và văn kiện của Đảng. Các tuyên bố và văn kiện này rất ít khi đề cập đến vấn đề ‘học tập tư tưởng Hồ-Chí-Minh’, và không hề nêu vấn đề lấy ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ làm ‘căn bản tư tưởng’ hay ‘kim chỉ nam hành động’ của Đảng. Ngay cả trong ‘Lời kêu gọi’ của Ban Chấp hành Trung ương và ‘Điều văn’ của Tổng bí thư Đảng nhân dịp ông Hồ qua đời và ngày mai táng ông ta cũng vậy.

‘Lời kêu gọi’ chỉ đặt trọng tâm vào việc tiếp tục sự nghiệp, thực hiện lý tưởng và hoài bảo, học tập đạo đức và tác phong của ông ta, còn tư tưởng của ông ta thì chỉ được nhắc sơ qua. ‘Điều văn’, do Lê-Duẫn đọc, thì chỉ kêu gọi cán bộ, đảng viên, nhân dân thề tiếp tục phấn đấu thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và công sản chủ nghĩa mà ông đã vạch ra, phát huy tình cảm quốc tế trong sáng của ông ta... “trên cơ sở chủ nghĩa mác-lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản”, và suốt đời đời học tập đạo đức, tác phong của ông ta, noi gương ông ta, ra sức trau dồi thành con người mới, đi theo con đường của ông ta tiếp tục sự nghiệp của ông ta. Nó không nhắc gì đến tư tưởng của ông ta (1).

Trong những diễn văn lớn sau đó cũng vậy. Lê-Duẫn không nói đến ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’. Chỉ năm 1980, trong diễn văn kỷ niệm 90 năm ngày sinh nhật của ông Hồ, ông ta mới nói đến việc “học tập tư tưởng

cách mạng của Người...” (2). Nhưng cụm từ tư tưởng Hồ-Chí-Minh vẫn chưa xuất hiện.

Tại các đại hội Đảng cũng vậy. Tại Đại hội IV (tháng 12 năm 1976), Báo cáo chính trị chỉ đề cập đến những ‘di sản bất diệt’ mà ông Hồ để lại cho Đảng. Tại Đại hội V (tháng 3 năm 1982), Báo cáo chính trị chỉ nói đến “xây dựng đất nước theo Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh”.

Tưởng cũng nên ghi ở đây rằng năm 1982, tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị, Trường-Chinh có kêu gọi trở về với tư tưởng Bác Hồ, nhưng không được hưởng ứng vì lúc đó các lãnh tụ khác của Đảng, nhất là Lê-Duẫn, đang bận tâm về việc cầu viện Liên-Xô vì tình hình kinh tế nguy cấp.

Qua những sự kiện trên đây, ta thấy, trong một thời gian khá dài, khái niệm ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ không được đề xướng như một ưu tư lớn của Đảng.

Chỉ những năm gần đây mới thấy các lý thuyết gia của Đảng, nhứt là của các viện và trường huấn luyện cán bộ và các tạp chí chỉ đạo tư tưởng của Đảng, như các Viện Mác-Lê và Nguyễn-Ái-Quốc, Tạp chí Cộng sản, đua nhau gây nên phong trào học tập và nghiên cứu tư tưởng của Bác.

Cũng như tất cả các ‘phong trào’ khác của Đảng cộng sản việt-nam, phong trào học tập nghiên cứu tư tưởng của Bác này nẩy sinh do sự đề xướng của tập đoàn lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam về sự cần thiết học tập, nghiên cứu, và lấy tư tưởng của Bác làm căn

(1) Vũ Biên soạn Ban Tuyên huấn Trung ương, *Lịch sử Đảng cộng sản Việt-Nam*, tập III, nxb Sách Giáo khoa Mác-Lênin, 1979, tr. 357-367.

(2) Lê-Duẫn, *Hồ-Chí-Minh*, Hà-nội, nxb Sự Thật, 1986, tr. 85.

bản tư tưởng, và làm kim chỉ nam trong hành động. Đề xướng đó được ghi vào Cương lĩnh trình Đại hội VII (tháng 6 năm 1991) và trở thành chỉ thị sau khi được ghi vào trong nghị quyết của Đại hội thông qua Cương lĩnh đó.

Có sự kiện này, vì trong suốt lịch sử của Đảng cộng sản việt-nam từ ngày ông Hồ-Chí-Minh khai sinh nó năm 1930, ông ta không ngót nhấn mạnh, nhắc nhở, và đòi hỏi đồ đẽ của ông phải hướng về Liên-Xô, ‘tổ quốc’ của những người cộng sản, ‘thành trì vững chắc’ của chủ nghĩa xã hội, và lấy Cách mạng tháng 10 làm mẫu mực về lý thuyết cũng như về hành động. Nhưng năm 1991, tiếp theo sự sụp đổ của các quốc gia xã hội chủ nghĩa Đông-Âu, ngay cả Liên-Xô, tổ quốc và thành trì của chủ nghĩa xã hội cũng sụp đổ. Hiện thân của Cách mạng tháng 10 bị ném vào sọt rác của lịch sử. Cộng sản khắp nơi phải đương đầu với một tình huống mới.

Trong tình huống mới này, vấn đề chủ thuyết lenin còn giá trị nữa hay không được đặt ra vì chủ thuyết này là căn bản lý luận và kim chỉ nam không phải chỉ của Liên-Xô, mà của tất cả những đảng cộng sản đàn em của Đảng cộng sản liên-xô trên thế giới. Vấn đề này là một vấn đề then chốt, căn bản, không thể bỏ qua được. Nếu không từ bỏ chủ thuyết đó thì ít nhất cũng phải có một sự xét lại, mà xét lại tận gốc tận rễ, để xem nó còn giá trị hay không, giá trị đến mức nào, và giá trị ở chỗ nào.

Dù sao, với sự sụp đổ của Liên-Xô, không thể tiếp tục coi chủ thuyết lenin như là một cơ sở lý luận và hành động đưa đến bách chiến bách thắng được vì thực tại sờ sờ trước mắt. Nguyên cả một đại cường quốc xây trên cơ sở đó đã sụp đổ một cách ngoạn mục trong vòng có mấy ngày. Tất cả mọi đài phát thanh và truyền hình đều thông báo ầm ĩ và chi tiết về biến cố này. Không thể nào phủ nhận dữ kiện này được. Như vậy không thể coi chủ thuyết và phương thức hành động kiểu lenin là có giá trị tuyệt đối được. Rõ ràng là nó trực trặc. Vấn đề còn lại là nó trực trặc toàn bộ hay cục bộ mà thôi. Mà rất có thể nó trực trặc toàn bộ vì Liên-Xô bị sụp đổ toàn bộ, và Đảng cộng sản liên-xô

không còn nắm quyền ở Nga, và ngay cả sự tồn tại của nó cũng không được bảo đảm. Điều này rất có thể xảy ra ở Việt-Nam và cho Đảng cộng sản việt-nam. Viễn ảnh này làm cho rất nhiều đảng viên và cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp, giao động lớn. Những văn kiện của Đảng, kể cả tuyên bố của các lãnh đạo của Đảng, đều xác nhận sự kiện này.

Trước đó, cho đến năm 1991, là năm Liên-Xô giải thể và Đảng cộng sản liên-xô bị giải tán, các lãnh tụ Đảng cộng sản có hai niềm tin mãnh liệt :

1. Khối cộng sản, dựa trên sức mạnh mà họ cho là vượt bực của Liên-Xô, là một khối vô địch;
2. Và khối đó, đứng đầu là Liên-Xô, sẽ định hướng con đường đi của nhân loại trong tương lai xa cũng như gần, và con đường đó, đẹp nhứt, tiến bộ nhứt, là con đường dẫn đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thật ra, thì ngay từ 1986 đến 1991, đã có những dấu hiệu báo rằng sẽ có những biến đổi quan trọng trong khối cộng sản. Nó khởi đầu ở Liên-Xô, với sự xuất hiện của Gorbatchev năm 1985, năm mà ông này được bầu làm Tổng bí thư của Đảng cộng sản liên-xô. Ngay sau khi ông ta đắc cử, ông công bố ý định theo Glasnost, công bố chính sách Perestroika (cải tổ cơ cấu).

Sự công bố này diễn ra vào tháng 11 năm 1986. Nhưng năm tháng trước đó, ông Gorbatchev đã thông báo cho Lê-Duẫn biết ý định của ông nhân dịp ông tiếp đón ông này tại Moskova vào tháng 6.

Chúng ta không biết ông Gorbatchev đã nói gì với ông Lê-Duẫn, nhưng căn cứ vào bài diễn văn của ông ta đọc trước Trung ương Đảng cộng sản liên-xô vào tháng 11 năm 1987, thì ta có thể nghĩ rằng lúc tiếp kiến Lê-Duẫn ông Gorbatchev tin rằng những cải tổ của ông sẽ làm cho Đảng cộng sản liên-xô và chế độ cộng sản mạnh hơn. Trong bài diễn văn nêu trên, ông đề cập đến những ưu điểm của chế độ lê-ni-nít và nhắc đến Đệ tam Quốc tế, và kết luận với câu : ‘Chúng ta

không khi nào từ bỏ chủ nghĩa cộng sản.” Như vậy, trong những cuộc đàm thoại với Lê-Duẫn vào tháng 6 năm 1986, với Trường-Chinh và Nguyễn-Văn-Linh vào tháng 8 và tháng 10 năm đó, và với Nguyễn-Văn-Linh và Đỗ-Mười tháng 5 năm 1987, ông Gorbatchev cũng có những giải thích có tính cách lạc quan và trấn an mấy ông lãnh tụ Đảng cộng sản việt-nam này khi họ lục tục đến Môskôva sau khi Lê-Duẫn đột ngột từ trần (tháng 7 năm 1986) để được trực tiếp nghe ông thông báo về đường lối mới của Liên-Xô (3).

Qua sự tiếp xúc trực tiếp với Gorbatchev và những giải thích của ông này về Glasnost và Perestroika, dù rằng ông có lạc quan và trấn an đến mấy đi nữa, mấy ông Trường-Chinh, Nguyễn-Văn-Linh và Đỗ-Mười cũng không thể gạt bỏ hoàn toàn cơ năng trật đường rầy của một cuộc cải tổ kiểu Gorbatchev. Do đó, họ mới bắt đầu đặt vấn đề xuống lên ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ song song với chủ nghĩa mác-lênin. Đại hội VI là dịp họ công khai đề xuông vấn đề này.

Tại Đại hội này (tháng 12 năm 1986), được gọi là đại hội ‘đổi mới tư duy’, nhóm lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam dành một phần rất lớn của Báo cáo chính trị để đề cao và tâng bốc Liên-Xô. Họ tuyên bố ‘ủng hộ hoàn toàn’ chính sách đổi nội và đổi ngoại được thông qua tại Đại hội XXVII của Đảng cộng sản liên-xô, ‘ủng hộ hoàn toàn’ Cương lĩnh của Đảng cộng sản liên-xô, coi đó như là mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo học thuyết mác-xít-lê-ni-nít và ‘nhân tố quyết định thắng lợi’ của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống chính trị xã hội đối lập trên thế giới. Còn về Hồ-Chí-Minh thì họ đề cập đến trong bối cảnh : Trung thành với chủ nghĩa mác-lênin, thấm nhuần tư tưởng và tình cảm của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh... muốn đổi mới tư duy. Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học chủ nghĩa mác-lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, của đồng chí

Lê-Duẫn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng (4).

Rõ ràng là ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ vẫn chưa được quan trọng hóa, tách biệt thành một hệ thống biệt lập và đưa lên tột hạng, như là một tư tưởng chỉ đạo căn bản của Đảng ngang hàng với chủ nghĩa mác-lê. Nó chỉ được đề cập đến sau chủ nghĩa mác-lênin; vấn đề trung thành chỉ được đặt ra với chủ nghĩa này, còn đối với tư tưởng Hồ-Chí-Minh chỉ có nhu cầu thầm nhuần, và về phương diện này, Hồ-Chí-Minh lại bị đặt ngang hàng với đồng chí Lê-Duẫn và các đồng chí khác... Giờ của ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ vẫn chưa đến hẳn, và nó chưa đến hẳn vì nhu cầu khẩn trương thật sự chưa đến.

Khẩn trương thật sự chỉ hiện ra rõ ràng vào những năm 1988-1991.

Năm 1988 xảy ra một sự kiện hết sức quan trọng, nhưng ít người biết đến, vì nó nằm trong tầm những hoạt động kín của Đảng cộng sản việt-nam. Tháng 5 năm đó, cũng như thường lệ, Đảng bí mật gửi một phái đoàn của Trung ương Đảng do Nguyễn-Đức-Bình cầm đầu mang dự thảo của Cương lĩnh mà Chính trị Bộ sẽ đưa ra Đại hội VII sắp tới sang Môskôva để trình Đảng cộng sản liên-xô duyệt xét và chấp nhận. Dự thảo này bị phái đoàn của Trung ương Đảng cộng sản liên-xô do Bikenin cầm đầu chỉ trích nặng nề. Họ nói rằng những quan điểm đưa ra trong đó ‘quá sớm’ hay ‘quá lạc quan và không phù hợp với thực tế’, ‘không đúng’, ‘chêch hướng vào chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính’, v.v... Họ khuyên Đảng cộng sản việt-nam phải tìm một con đường ‘thích hợp với thực tế hơn’ và ‘tránh lập lại kinh nghiệm của Liên-Xô’ (5).

Điểm chót này có nghĩa là phải tránh con đường mác-lênin chủ nghĩa, trong khi suốt 60 năm trước đó, với sự huấn luyện và nhắc nhở không ngừng của ông Hồ, họ đã triệt để đi theo con đường này. Họ đã hoàn toàn tiếp thu chủ nghĩa mác và nhứt là lenin - chủ nghĩa xã hội kiểu bôn-sê-vích -, theo gót Cách

(3) Xem Tôn-Thất-Thiện, “Đường lối ngoại giao của Đảng cộng sản Việt-Nam” trong *Đảng cộng sản trước thực trạng Việt-Nam, Đường Mới*, Paris, 1994.

(4) ‘Văn kiện Đại hội VI...’ *Tạp chí Cộng sản*, 1.1987.

(5) Xem Tôn-Thất-Thiện, *tài liệu đã dẫn*.

mạng tháng 10 Nga, và thiết lập một chế độ chuyên chế độc tài theo mô hình Stalin. Nếu bỏ những thứ đó thì, về lý luận cũng như hành động, Đảng cộng sản việt-nam sẽ dựa vào cái gì?

Sau những con bão táp những năm 1989-1991, các chế độ cộng sản Đông Âu, rồi tiếp theo, chế độ cộng sản Nga, sụp đổ và ngay cả Liên-Xô bị giải thể, nhưng chế độ cộng sản việt-nam thoát được số phận đó. Ban lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam cho rằng được như vậy vì họ đã không từ bỏ chủ nghĩa mác-lênin. Do đó, họ quyết định kiên trì con đường này. Nhưng làm sao kiên trì con đường này trong khi không những ngoài Đảng, mà ngay cả trong Đảng, số người đòi bãi bỏ chế độ mác-lê ngày càng gia tăng và tiếng nói của họ càng lớn? Sự sụp đổ của Liên-Xô và các nước cộng sản Đông-Âu, cùng với cuộc sống cơ cực mà những người đó phải chịu đựng dưới sự cai trị của ban lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam chủ trương kiên trì đường lối mác-xít-lê-nít làm cho họ mất hết tin tưởng vào chủ nghĩa mác-lênin, và đặc biệt là vào lãnh đạo của đảng này. Những đòi hỏi đó có thể bất chấp trong một thời gian, nhưng không thể bất chấp mãi mãi được. Rồi một ngày nào đó, dù họ muốn hay không, sự bãi bỏ này cũng sẽ xảy ra.

Nhưng bãi bỏ chế độ mác-lênin là bãi bỏ căn bản quyền hành và hưởng thụ của đám lãnh đạo hiện tại. Cho nên phải làm sao cho nó ‘vậy mà không phải vậy’, theo phương cách bình thường của Đảng, áp dụng ma thuật để giải quyết vấn đề một cách đẹp đẽ. Đảng đã mất hết uy tín thì còn uy tín của Bác. Núp sau Bác, có thể tuyên bố bỏ chủ nghĩa mác-lênin mà thực sự vẫn áp dụng toàn vẹn chủ nghĩa đó. Không gì hơn là dùng tên Hồ-Chí-Minh, lấy ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ làm căn bản tư tưởng và kim chỉ nam hành động của Đảng và của toàn quốc. Bỏ mà không bỏ. Vậy mà không phải vậy. Đâu vẫn còn đó, y nguyên.

Những lý do kể trên đưa đến quyết định về vấn đề ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ tại Đại hội VII (tháng 6 năm 1991).

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận rằng :

«Cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc của các nước xã hội chủ nghĩa đặt chủ nghĩa xã hội trước sự phê bình gay gắt chưa từng thấy, từ nhiều hướng... ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có hiện tượng giao động về lập trường, những xu hướng phủ nhận thành tựu, từ đó dẫn đến phủ định con đường xã hội chủ nghĩa.»

Ban lãnh đạo Đảng muốn ngăn chặn xu hướng này. Cho nên, tuy họ công nhận rằng đổi mới là cần thiết, họ lại nhấn mạnh rằng các chủ trương đổi mới phải nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, nghĩa là phải duy trì chủ nghĩa mác-lênin. Đổi mới mà vẫn như cũ.

Báo cáo ghi :

«Điều kiện cốt yếu để công việc đổi mới giữ được định hướng chủ nghĩa xã hội và đi đến thành công trong quá trình đổi mới Đảng phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa mác-lênin và tư tưởng Hồ-Chí-Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội... Đảng ta lấy chủ nghĩa mác-lênin và tư tưởng Hồ-Chí-Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy dân chủ tập trung làm nguyên tắc tổ chức cơ bản... Kiên trì chủ nghĩa mác-lênin là vấn đề có tính cách nguyên tắc số một với Đảng ta...» (6).

Về khoa học xã hội, Báo cáo nói, nghĩa là, chỉ thị như sau :

«Khoa học xã hội phải góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm, ý thức và nhân cách đúng đắn, khắc phục những tư tưởng sai lầm.

Trong những năm tới nhiệm vụ chủ yếu của các ngành khoa học xã hội là vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết mác-lênin, tư tưởng Hồ-Chí-Minh, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu

(6) Đảng cộng sản Việt-Nam, Văn kiện Đại hội VII, Hà-Nội, nxb Sự Thật, 1991.

khoa học của thế giới, nghiên cứu những vấn đề cơ bản lý luận để hoàn thiện và triển khai Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội và những văn kiện khác...» (như trên).

Điểm được nhấn mạnh là “Đại hội khẳng định quyết tâm của Đảng... đi theo con đường của chủ nghĩa mác-lênin, con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn...”

Báo cáo giải thích rằng “cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa mác-lênin, Đảng nêu cao tư tưởng Hồ-Chí-Minh.”

Điểm này đáng được ghi nhớ. Nó nói lên sự kiện là đến Đại hội VII, năm 1991, sau khi các nước cộng sản Đông-Âu sụp đổ và những cải tổ của

Gorbatchev ở Liên-Xô cho thấy rõ rằng chế độ cộng sản kiểu lénin-stalin đang bị xóa, và đồng thời Nga và Hoa-Kỳ thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh lạnh sau hội nghị thượng đỉnh Gorbatgev-Reagan ở đảo Malte, lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam không những không còn trông đợi gì ở ‘Tổ quốc’ và ‘thành trì bất khả xâm’ của xã hội chủ nghĩa, mà còn phải nghĩ đến nguy cơ Việt-Nam cũng có thể đi theo con đường của Liên-Xô. Lúc này đề xương ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ rõ ràng không những là một giải pháp rất tốt, mà còn là giải pháp duy nhất để giải quyết vấn đề phải từ bỏ chủ nghĩa mác-lênin mà vẫn tránh khỏi số phận các nước Đông-Âu và Liên-Xô. Do đó, nhóm lãnh tụ Đảng ra chỉ thị rất nghiêm ngặt cho tất cả cán bộ, đảng viên và dân chúng phải học tập ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’.

khoa học của thế giới, nghiên cứu những vấn đề cơ bản lý luận để hoàn thiện và triển khai Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội và những văn kiện khác...» (như trên).

Điểm được nhấn mạnh là “Đại hội khẳng định quyết tâm của Đảng... đi theo con đường của chủ nghĩa mác-lênin, con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn...”

Báo cáo giải thích rằng “cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa mác-lênin, Đảng nêu cao tư tưởng Hồ-Chí-Minh.”

Điểm này đáng được ghi nhớ. Nó nói lên sự kiện là đến Đại hội VII, năm 1991, sau khi các nước cộng sản Đông-Âu sụp đổ và những cải tổ của

Gorbatchev ở Liên-Xô cho thấy rõ ràng chế độ cộng sản kiểu lénin-stalin đang bị xóa, và đồng thời Nga và Hoa-Kỳ thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh lạnh sau hội nghị thượng đỉnh Gorbatcgev-Reagan ở đảo Malte, lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam không những không còn trông đợi gì ở ‘Tổ quốc’ và ‘thành trì bất khả xâm’ của xã hội chủ nghĩa, mà còn phải nghĩ đến nguy cơ Việt-Nam cũng có thể đi theo con đường của Liên-Xô. Lúc này đề xương ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ rõ ràng không những là một giải pháp rất tốt, mà còn là giải pháp duy nhất để giải quyết vấn đề phải từ bỏ chủ nghĩa mác-lênin mà vẫn tránh khỏi số phận các nước Đông-Âu và Liên-Xô. Do đó, nhóm lãnh tụ Đảng ra chỉ thị rất nghiêm ngặt cho tất cả cán bộ, đảng viên và dân chúng phải học tập ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’.

II. Cán bộ Đảng lờ mờ về ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’

Lãnh đạo Đảng quyết định rằng học tập ‘tư tưởng Hồ Chí Minh’ là cần thiết. Quyết định của Đảng ghi trong Cương lĩnh Đại hội VII là mệnh lệnh. Mọi người trong Đảng, trong nhân dân đều phải tuân hành. Tất nhiên, cán bộ, lý thuyết viên của Đảng đua nhau làm việc này, hoặc vì tinh thần kỷ luật, hoặc vì để lấy điểm với lãnh đạo. Cho nên cán bộ cao cấp, nhân viên điều khiển các viện nghiên cứu và giảng dạy về lý thuyết và tư tưởng, khoa học xã hội, và cả Việt ngữ và Hán-Nôm đều đổ xô vào việc mổ xẻ, giải thích tư tưởng của Bác. Từ tháng 6 năm 1991 đến tháng 8 năm 1994 trong *Tạp chí Cộng sản*, tạp chí tư tưởng của Đảng, có 27 bài được đăng về vấn đề này.

Những người nói trên mang tên những cán bộ giữ chức lớn như Đào-Duy-Tùng (Ban Bí thư Đảng phụ trách văn hoá tư tưởng), Đặng-Xuân-Kỳ (viện trưởng Viện Nghiên cứu chủ nghĩa mác-lê-nin và Tư tưởng Hồ-Chí-Minh), Song-Thành (viện trưởng Viện Hồ-Chí-Minh), Ngô-Phương-Bá (Viện Sử học), Lê-Văn-Tuấn (Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học), Nguyễn-Đình-Cát (Viện Ngôn ngữ học), Phan-Văn-Các (Viện Nghiên cứu Hán-Nôm), Hoàng-Tùng (báo *Nhân Dân*), các tướng Đào-Đình-Luyện, Bùi-Phan-Kỳ...

Ngoài ra, những cán bộ lão thành, tuy đã bị gạt ra bên lề quyền hành, nhưng là những cán bộ lớn thời ông Hồ còn sống, được động viên để viết về ‘tư tưởng Hồ Chí Minh’. Trong số này có các ông Phạm-Văn-Đồng, Võ-Nguyên-Giáp, Hà-Huy-Giáp.

Điều nổi bật khi ta đọc những tác phẩm trên rõ ràng là ở Việt-Nam mọi người đều mù mịt về ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’. Thường dân thì chỉ bị nghe hết ngày này sang ngày khác những chuyện thần thánh về Bác mà không hiểu gì về tư tưởng của Bác đã dành rồi. Nhưng đảng viên, cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp, và đến ngay cả những lý thuyết gia của Đảng, đều tỏ ra

lờ mờ về vấn đề này. Không ai trả lời dứt khoát được câu hỏi : ‘tư tưởng Hồ Chí Minh’ là gì? Những giải thích trong các tuyên bố của nhóm lãnh đạo, các bài nghiên cứu của những lý thuyết gia, những bài bình luận của các cơ quan truyền媒 hò, lộn xộn, thiếu chính xác về sự kiện và không vững chắc về lý luận, trình bày không có phương pháp, rất khác biệt nhau hay mâu thuẫn nhau. Có bài thiếu đứng đắn, có tính cách nói đại, nói bừa, hết sức vô vẫn.

Những đoạn trích dưới đây về định nghĩa ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ chứng minh luận điểm vừa nêu ra:

1) ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ là “sản phẩm của sự vận dụng sáng tạo của chủ nghĩa mác-lênin vào thực tiễn Việt-Nam...” Nội dung của tư tưởng Hồ-Chí-Minh là “toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác...”

(Đào-Duy-Tùng, *Tạp chí Cộng sản*, 5/1991).

2) “Những suy nghĩ, những việc làm của Bác để đưa chủ nghĩa mác-lênin vào Việt-Nam, làm cho cách mạng việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác... tạo nên tư tưởng Hồ-Chí-Minh...”

(Hà-Huy-Giáp, *Tạp chí Cộng sản*, 5/1992).

3) “Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là con đường cách mạng, hệ tư tưởng chỉ đạo của dân tộc và nhân dân Việt-Nam.. Thế giới quan của hệ thống tư tưởng này là chủ nghĩa mác, chủ nghĩa lenin, kết hợp với tư tưởng chính trị và văn hóa truyền thống của người Việt-Nam.”

(Hoàng-Tùng, *Tạp chí Cộng sản*, 4/1992).

4) “Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là sự kế thừa xuất sắc tinh hoa của dân tộc và trí tuệ thời đại mà cốt

lõi là chủ nghĩa mác-lênin, là sự vận dụng sáng tạo lý luận và kết hợp nhuần nhuyễn lý luận và thực tiễn, giữa dân tộc và giai cấp, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, giữa dân tộc và chủ nghĩa xã hội; là khoa học về chiến lược và sách lược bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng việt-nam trong hiện tại và tương lai..."

(Song-Thành, *Tạp chí Cộng sản*, 1/1993).

5) "Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là sự hợp lưu hai dòng cách mạng lớn của thời đại"

(Thiếu tướng Bùi-Phan-Kỳ, *Tạp chí Cộng sản*, 6/1992).

6) "Tư tưởng 'Không gì quý hơn độc lập tự do' là điểm xuất phát của tư tưởng Hồ-Chí-Minh."

(*Tạp chí Cộng sản*, 2/1995).

7) "Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa mác-lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta..."

(Nguyễn-Văn-Linh, *Đại hội VII*).

8) "Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là bước phát triển mới của chủ nghĩa mác-lênin được vận dụng sáng tạo và thực tiễn vào sự nghiệp giải phóng và xây dựng xã hội mới của Việt-Nam."

"Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là một hệ thống lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người gắn liền mật thiết với nhau không tách rời nhau..."

"Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là một hệ thống diễn đạt khái quát lại, đó là : độc lập và thống nhất cho Tổ quốc, tự do và dân chủ cho nhân dân, công bằng và hạnh phúc cho mọi người, hoà bình và hữu nghị cho các dân tộc, sự phát triển các quan hệ văn hóa và nhân văn cho thời đại."

"Phải kiên quyết ngăn chặn bệnh sida tư tưởng! Phương thuốc thần diệu để ngăn chặn căn bệnh đó là tư tưởng Hồ-Chí-Minh."

(Võ-Nguyên-Giáp, *Tư tưởng Hồ-Chí-Minh...*, nxb Sư Thật, Hà-nội, 1993).

9) "Đối với chúng ta, tư tưởng Hồ-Chí-Minh là học thuyết mác-lênin được vận dụng sáng tạo đồng thời được phát triển phù hợp với hoàn cảnh nước ta."

(Phạm-Văn-Đồng, *Hồ-Chí-Minh...*, nxb Sư Thật, Hà-nội, 1993, tr. 94).

10) "Chủ nghĩa mác-lênin là cơ sở chủ yếu tư tưởng Hồ-Chí-Minh." (Xã luận, *Tạp chí Cộng sản*, 2/1995).

Trong những định nghĩa trên đây, không có một định nghĩa nào có thể gọi là 'định nghĩa' cả, nghĩa là chính xác theo tiêu chuẩn khoa học. Tư tưởng không phải là 'con đường', 'vận dụng', 'hoạt động', 'việc làm', 'kết thừa tinh hoa dân tộc', 'hợp lưu' những dòng cách mạng, 'bước phát triển' của một chủ nghĩa, 'phương thuốc chữa bệnh', 'học thuyết được vận dụng'.. Những cán bộ cao cấp và lý thuyết gia của Đảng cộng sản việt-nam lẩn lộn 'tư tưởng' với những khái niệm như trên, và với những khái niệm khác như 'đường lối', 'chủ trương', 'chính sách', 'tác phong', 'đạo đức', 'lòng yêu nước' v.v...

'Tư tưởng', theo đúng phương pháp khoa học, phải được định nghĩa là một hệ thống tư duy cấu trúc theo luận lý chặt chẽ tôn trọng phương pháp phân tích và diễn tả khoa học. Xuất phát từ một tổng đề cẩn nguyên nào đó, được khai triển dần dần và bao quát tất cả những lãnh vực của trí tuệ để giải thích những hiện tượng thiên nhiên, xã hội và nhân văn, đưa đến những kết luận ăn khớp với khởi đề về mặt luận lý.

Trong việc diễn tả 'tư tưởng Hồ-Chí-Minh', các tác giả cộng sản việt-nam đã không làm như vậy. Tại sao? Tại vì chính họ cũng không rõ 'tư tưởng Hồ-Chí-Minh' là gì. Do đó, như Song-Thành nêu đúng, có nhiều định nghĩa, và mỗi định nghĩa đều chứa nội dung tư tưởng của ông Hồ, "nhưng cho đến nay, ý kiến vẫn còn đang khác nhau, cả về nội dung và cách diễn đạt" (*Tạp chí Cộng sản*, 1/1993). Giải đáp này đưa đến một câu hỏi 'tại sao?' thứ hai. Và ông này đã đưa ra một giải đáp khác, cũng đúng, là trong 60 năm không ai nghĩ đến vì không cần, cứ nói mác-lênin là

dù. Như ta sẽ thấy ở đoạn dưới, người trách nhiệm chính về tình trạng này chính là ông Hồ-Chí-Minh.

Một lý do khác là những người ‘nghiên cứu’ về ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ tưởng rằng việc này dễ. Họ không ý thức được rằng mổ xẻ và trình diễn thỏa đáng một vấn đề phức tạp như vậy đòi hỏi một trình độ văn hoá và khoa học cao, trên khả năng của những kẻ chỉ được huấn luyện hô khẩu hiệu, nhứt là khẩu hiệu mác-lênin, chép đi chép lại những tài liệu tuyên truyền của Đảng, và tung bút ra tảng bốc, tô vẽ, thần thánh hóa ông Hồ, một phần không nhỏ để lấy điểm với cấp trên của họ.

Trong số tác giả của 30 tác phẩm đã được nêu trên, chỉ có 4 người rõ ràng ý thức được nghiên cứu ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ phải làm gì: Hoàng-Tùng, Song Thành, Đặng-Xuân-Kỳ, và tướng Võ-Nguyễn-Giáp. Bốn người này hiểu rằng ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ phải được diễn tả như là một *hệ thống tư duy*. Nhưng họ cũng không làm được việc này một cách mỹ mãn.

Lý do của sự thiếu mỹ mãn trên đây là, như Phạm-Ngọc-Quang, thuộc Học viện Chính trị Quốc gia, nêu lên, là : “Khác với một số nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa mác-lênin, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh không để lại những công trình lý luận có tính chất chuyên khảo về triết học, kinh tế hay chính trị, văn hóa...” (*Tạp chí Cộng sản*, 5/1993)

Hoàng-Tùng, thuộc báo *Nhân Dân* cũng xác nhận rằng:

«Hồ-Chí-Minh viết nhiều, dạy nhiều, nhưng Người không để lại cho chúng ta những trước tác có hệ thống hoàn chỉnh trình bày con đường Cách mạng của Đảng và nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã có bộ sách toàn tập những bài viết, bài nói của Người in thành 10 tập.»

(*Tạp chí Cộng sản*, 4/1992).

Nhưng ông này lại đi quá xa khi ông nói rằng:

«Muốn nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ-Chí-Minh chúng ta phải lần theo cuộc hành trình

cách mạng của Người, nghiên cứu những bài viết, bài nói của Người và cả những văn kiện của Đảng và Nhà nước, những trước tác của các đồng chí lãnh đạo khác, học trò và chiến đấu gần gũi của Người.

Lại phải tham khảo những ý kiến của đồng chí, đồng bào trong nước và bạn bè quốc tế nói về Hồ-Chí-Minh.

Và vừa lần theo các quá trình phát triển của cách mạng, vừa đứng ở thời điểm sự nghiệp giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, đã giành được thắng lợi hoàn toàn, lịch sử đã sang trang, mà phân tích và khái quát.»

(*Tạp chí Cộng sản*, 4/1992).

Làm như trên là muốn viết một tác phẩm đại quy mô về cuộc đời, con người và sự nghiệp của ông Hồ. Tất nhiên triết lý của ông ta, nghĩa là quan điểm của ông ta về trời, đất, người, về tạo hoá và con người, về thế giới và quốc gia dân tộc, về kinh tế, xã hội, văn hóa v.v... phải được nói đến, nhưng nó chỉ chiếm một phần trong một công trình như vậy.

Dù sao, trong bốn người kể trên, chỉ có ông này là đặt vấn đề phương pháp nghiên cứu một cách đúng đắn, tuy rằng ông ta vẫn chưa thực hiện được những gì ông đề xướng. Còn ba người kia, tuy thấy vấn đề, nhưng khi vào thực tế thay vì trình bày hệ thống tư tưởng của ông Hồ thì lại lệch qua một bên, đi lung tung vào chi tiết lẻ tẻ vì vẫn vướng mắc cái nạn phải nằm trong cái khuôn tư tưởng do Đảng áp đặt, và cái tật muôn nói thật nhiều để tảng bốc Bác. Ví dụ : trong tác phẩm *Tư tưởng Hồ-Chí-Minh, quá trình, hình thành và phát triển*, tướng Võ-Nguyễn-Giáp đã khởi đầu với quan niệm diễn tả ‘tư tưởng Hồ Chí Minh’ dưới hình thức một *hệ thống tư duy* như đã nói ở trên, nhưng sau đó, ông ta lại liên miên đề cao những khía cạnh lẻ tẻ của cuộc đời, chủ trương và hành động của ông Hồ và những sự thần diệu của chủ nghĩa mác-lênin. Song Thành và Đặng-Xuân-Kỳ cũng vậy (*Tạp chí Cộng sản*, 1/1993 và 1/1994).

Sự kiện nói trên có hai nguyên do : một là, như đã nói ở trên, ông Hồ không có để lại những tác phẩm loại trình bày tư tưởng dưới hình thức một hệ thống tư duy cá biệt và đặc thù của ông, như Mác, Lênin, Stalin, Mao-Trạch-Đông và nhiều lãnh tụ cộng sản khác đã làm. Khi người ta nói đến ‘tư tưởng Lênin’ người ta có thể chỉ vào không những các diễn văn, tuyên bố v.v... xác định thái độ, lập trường, chính sách của chính phủ liên-xô, mà còn vào không biết bao nhiêu tác phẩm khác trình bày triết lý và hệ thống tư duy lý luận của ông ta về những vấn đề lớn liên quan đến thiên nhiên, con người, xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v... Về Mác và Mao-Trạch-Đông cũng vậy. Những tác phẩm của những người này có thể gom thành một tủ sách. Về Stalin thì có phần kém hơn, tuy rằng ông này cũng cố gắng đưa ra nhiều tác phẩm mang tính cách tư duy hơn là hành động, mà các đảng viên trên thế giới phải coi như là những ‘tài liệu học tập’ bắt buộc vì nó trình bày ‘tư tưởng Stalin’.

Lý do thứ hai là từ ngày ông sáng lập Đảng cộng sản việt-nam cho tới khi ông qua đời, ông Hồ không ngót chỉ thị, khuyến khích, nhắc nhở các đảng viên Đảng cộng sản phải chú tâm học tập các chủ thuyết mác-lênin, stalin, mao-trạch-đông nhưng không hề đòi hỏi họ phải học tập ‘tư tưởng của Bác’, hoặc một tác phẩm lý thuyết nào đặc biệt của ông. Như đã nói rõ ở trên, chỉ sau khi ông ta mất rồi, và đến khi rõ ràng là đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mô hình liên-xô một cách mù quáng sẽ gặp đại họa : 1982 — thất bại hoàn toàn của kế hoạch kinh tế ngũ niên 1976-1981 kiểu liên xô, và 1991 — cơ năng sụp đổ hoàn toàn như Liên-Xô và giải thể như Đảng cộng sản liên-xô —, nhóm lãnh tụ Đảng mới nghĩ đến sự quan trọng hóa ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’.

Lý do thứ ba, và là lý do quan trọng hơn cả, là không có cái gọi là *tư tưởng Hồ-Chí-Minh!* Chính ông Hồ là người đã công khai thú nhận điều này với người trong Đảng cũng như với người ngoại quốc.

(7) Jean Lacouture, *Hồ Chí Minh*, Paris, Seuil, 1963/1969, tr. 204.

Tác giả Pháp Jean Lacouture tường thuật trong tác phẩm về ông Hồ rằng khi một người khách ngoại quốc hỏi ông này : tại sao ông không viết báo và sách, ‘như Mao-Trạch-Đông’, ông trả lời rằng Mao đã nói hết rồi, ông còn gì để nói đâu! (7) Về nội bộ thì theo Nguyễn-Minh-Cần, cựu Phó chủ tịch Ủy ban Hành chánh Hà-nội, tại Hội nghị cán bộ Việt Bắc năm 1949, ông Hồ tuyên bố rằng: “Các vị lãnh tụ thế giới Stalin, Mao-Trạch-Đông, thì không thể sai lầm!”, nghĩa là những gì cần nói và đáng nói họ đã nói hết rồi, và nói đúng, thì mình còn nói thêm gì nữa, nhứt là điều mình nói có thể sai (8).

Và rõ ràng hơn hết về điểm này là câu chuyện do ông Nguyễn-Văn-Trấn kể lại. Ông này là một đảng viên kỳ cựu của Đảng cộng sản việt-nam, tổ trưởng của tổ Miền Nam tham dự Đại hội II năm 1951. Ông kể lại chuyện như sau : Khi ông báo cáo với Bác là giữa anh em nói trong nội bộ : “Bộ hết duyên rồi hay sao mà lấy tư tưởng Mao-Trạch-Đông là tư tưởng chỉ đạo cho Đảng ta!” (như Bác đang chủ trương) thì Bác nhấp mắt như Stalin khi gấp vấn đề khó nghĩ, vì tìm chữ. Ông Trấn thừa tiếp : “Có đồng chí nói : hay ta viết tư tưởng Mao-Trạch-Đông và tư tưởng Hồ-Chí-Minh có phải hay không!” thì Bác trả lời:

«Không, tôi không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng chủ nghĩa mác-lênin. Tôi chỉ có phương pháp để giải quyết thỏa đáng từng vấn đề của ta. Như tôi thường nói : ‘lạt mềm buộc chặt’, đó là phương pháp cột cái gì đó của tôi. Mà cho đến phương pháp như vậy thì cũng có sự chỉ biếu của phương pháp biện chứng. Chỗ còn tư tưởng là quan niệm về vũ trụ, về thế giới và về xã hội con người, thì tôi là học trò của Mác-Ănghen-Lênin, chớ làm gì có tư tưởng ngoài triết học Mác.» (9).

Đây là lý do làm cho những người dù quan niệm đúng vấn đề ‘tư tưởng Hồ Chí Minh’ vẫn lúng túng. Ví dụ : tuy tướng Giáp đã ý niệm được rằng tư

(8) Phỏng vấn, Ngày Nay (Houston) số 333, 1.12.1995.

(9) Nguyễn-Văn-Trấn, *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội*, Westminster, CA, nxb Văn Nghệ, tr. 150-152).

tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lý luận, nhưng ông ta vẫn mắc kẹt ở chỗ không thoát ra khỏi cái khung mác-lênin được, hay nói cho đúng hơn, ông ta không gỡ ông Hồ ra khỏi cái khung mác-lênin được khi muốn giới thiệu ông Hồ như là một người ái quốc việt nam có tư tưởng thuần túy việt nam, hay ít nhút cũng đặc thù, thay vì, về mặt tư tưởng, ông này chỉ là một người học trò giỏi của Lênin, không có tư tưởng gì riêng cả.

Tất nhiên trong Đảng cộng sản việt-nam cũng phải có người ý thức được điều này. Bằng chứng là, như tướng Võ-Nguyễn-Giáp tiết lộ, khi chuẩn bị đưa Hồ-Chí-Minh ra trước UNESCO với tư cách là ‘một nhà đại văn hóa việt nam’, nghĩa là một người có tư tưởng lớn, cao siêu thâm thúy, đặc thù và việt nam, trong Đảng “không những không có những băn khoăn: Hồ-Chí-Minh là một người cộng sản...” Ta có nên nói rõ “Hồ-Chí-Minh đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa mác-lênin” và “là người đầu tiên đưa chủ nghĩa mác-lênin vào Việt Nam hay không? Có nên nói Hồ-Chí-Minh là người yêu nước vĩ đại và là người cộng sản việt-nam đầu tiên không ?” (10)

Một bằng chứng khác về sự ‘băn khoăn’ nói trên, là bản báo cáo Đào-Duy-Tùng nhân danh đoàn chủ tịch làm tại Đại hội VII về cuộc thảo luận về nền tảng tư tưởng của Đảng : có “chỉ nên nói đó là chủ nghĩa mác-lênin hay nói chủ nghĩa mác-lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” (Đào-Duy-Tùng nhấn mạnh). Ông ta nói:

«Trong quá trình thảo luận hầu hết đại biểu tán thành nói tư tưởng Hồ-Chí-Minh chứ không

nói giá trị tư tưởng Hồ-Chí-Minh và đã thống nhất hiểu tư tưởng Hồ-Chí-Minh là sản phẩm của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa mác-lênin vào thực tiễn Việt-Nam.

Đi vào biểu quyết, có một số ít đại biểu muốn ghi vào Điều lệ công thức : “Đảng lấy chủ nghĩa mác-lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.” Trong khi đó có 89,7% số đại biểu tán thành ghi : “Đảng lấy chủ nghĩa mác-lênin và tư tưởng Hồ-Chí-Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.”» (11)

Nguyên do của những sự ‘băn khoăn’ và bất đồng trên đây là, trong Đảng cộng sản việt-nam, về mặt căn bản tư tưởng của Đảng, trong hơn 60 năm chỉ có tư tưởng mác-lênin chớ không có cái gọi là *tư tưởng Hồ-Chí-Minh*. Như đã chứng minh ở trên, chính ông Hồ là người đã công khai nói lên điều này. Cán bộ, lý thuyết gia của Đảng bị đặt vào cái thế phải lờ mờ, lúng túng, băn khoăn này vì nhóm lãnh đạo của Đảng muốn biến cái không có thành cái có để làm bức bình phong che đậy ý chí duy trì chế độ chuyên chế mác-lênin trong khi chủ thuyết làm căn bản cho chế độ này đã bị loại bỏ ở Đông-Âu và Nga, và bị phê phán gay gắt khắp thế giới. Ngay cả ở Việt Nam, trong Đảng, một số đảng viên có khả năng suy nghĩ và trình diễn tư tưởng đã dần dần lên tiếng chỉ trích mạnh mẽ chủ thuyết này, và số đảng viên thắc mắc về nhu cầu tiếp tục di theo con đường mác-lênin chủ nghĩa càng ngày càng tăng.

(10) Võ-Nguyễn-Giáp, Tư tưởng Hồ-Chí-Minh, sđd., tr.9

(11) Văn kiện Đại hội VII, Tài liệu đã dẫn, tr. 159.

III. ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ và ‘đường lối Hồ-Chí-Minh’

Đỗ-Mười nói rằng: “Chủ nghĩa mác-lê là cơ sở chủ yếu của tư tưởng Hồ-Chí-Minh.”(Tạp chí Cộng sản, 2/1995). Câu nói này biểu lộ thái độ của các lãnh tụ, và tất nhiên của cán bộ, đảng viên và lý thuyết gia của Đảng cộng sản Việt-Nam : biết nhưng không muốn, hay không dám, nói ra. Nó chỉ đúng nếu mấy chữ ‘cơ sở chủ yếu của’ được bỏ đi và câu đó sửa lại thành : “Chủ nghĩa mác-lê là tư tưởng của Hồ-Chí-Minh.” Hay thành: “Tư tưởng Hồ-Chí-Minh là tư tưởng mác-lênin” thì lại còn đúng hơn nữa. ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ là một từ ngữ vô nghĩa vì nó không có nội dung. Nó không chỉ định một hiện thực nào cả. Nó chỉ được tạo một cách đối trá để lường gạt hàng ngũ Đảng cộng sản việt-nam, dân chúng việt nam và dư luận ngoại quốc.

Tội phạm về sự lường gạt đối trá nói trên không phải là ông Hồ-Chí-Minh. Như đã nói rõ ở trên, ông này đã thẳng thắn công nhận rằng ông “không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng mác-lênin”, và về tư tưởng là quan niệm về vũ trụ, thế giới và xã hội con người, ông “chỉ là học trò của Mác, Ănghen và Lênin mà thôi”.

Tội phạm là nhóm lãnh tụ hiện tại của Đảng cộng sản việt-nam. Họ đã dùng cụm từ “chủ nghĩa mác-lênin và tư tưởng Hồ-Chí-Minh” (ở đây cần nhấn mạnh chữ ‘và’) để gây ngộ nhận rằng ‘chủ nghĩa mác-lênin’ và ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ là hai thực tại riêng biệt, đặc thù, trong khi hai từ ngữ này chỉ chỉ định có một thực tại. Thực tại đó là: chủ thuyết mác-lênin là căn bản lý luận của những đảng chính trị chủ trương một chế độ lê-nin-nít bôn-sê-vích. ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ chỉ là một tấm màn dùng để che đậy ý đồ tiếp tục áp dụng những phương pháp cai trị và thực hiện những mục tiêu mà Lênin chủ trương.

Thực ra, tấm màn này chẳng che đậy được gì. Như đã nói ở trên, tại Đại hội VII, Đào-Duy-Tùng đã báo cáo rằng các ủy viên Trung ương Đảng đã “nhất trí hiểu tư tưởng Hồ-Chí-Minh là sản phẩm sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa mác-lênin vào thực tiễn Việt-Nam”. Như vậy nghĩa là những người nắm quyền hành trong Đảng cộng sản việt-nam và số phận của dân việt nam đã công nhận rằng ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ không phải là nguyên lý cơ bản, một chủ thuyết, mà nó chỉ là một *sự vận dụng*. Mà ngay cả như thế cũng không đúng vì nó chỉ là *sản phẩm của một sự vận dụng* - hai cấp dưới nguyên lý. Nó không phải là một chủ thuyết riêng biệt, đặc thù do ông Hồ cố ý tạo ra, mà chỉ là một bịa đặt, một sản phẩm do nhóm lãnh tụ hiện tại của Đảng cộng sản việt-nam tạo ra một cách hấp tấp trong một hoàn cảnh khẩn trương, một sự lợi dụng uy danh ông Hồ để chuẩn bị một sự liệng bỏ nhãn hiệu ‘mác-lê’ mà vẫn giữ nguyên chế độ chuyên chế độc tài mác-lê sau này, khi làn sóng đòi đổi thay và chuyển hướng không thể chấp nhận được nữa.

Nếu không có ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’, hiểu như một hệ thống tư tưởng, có lẽ ta có thể nói tới ‘đường lối Hồ-Chí-Minh’, ‘chủ trương Hồ-Chí-Minh’, chính sách Hồ-Chí-Minh’, ‘sách lược Hồ-Chí-Minh’, ‘tinh thần Hồ-Chí-Minh’ v.v... mang phong cách và văn phong Hồ-Chí-Minh? Thật ra, ở đây ta cũng không kéo ông Hồ ra khỏi cái khung mác-lê mà ông đã kiên quyết tự đặt mình vào từ lúc ông tiếp xúc với tư tưởng lenin, năm 1920, và ‘hoàn toàn tin theo Lênin và Đệ tam Quốc tế’. (12)

(12) Con đường dẫn tôi đến Lênin, 4.1960, trong Hồ-Chí-Minh, Tuyển tập, Tập II, Hà-nội, nxb Sự Thật, 1980, tr. 175. (Xem chú dẫn 16).

Biệt tính của ông Hồ là *cách mạng*. Như ông viết trong tập bài dùng để huấn luyện tốp cộng sản đầu tiên ở Quảng-Đông trong những năm 1925-1926, *Đường Kách Mệnh* : “*Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ CÁCH MỆNH! CÁCH MỆNH! CÁCH MỆNH!*” (13). Nhưng khác với cách mạng của những nhà ái quốc trước ông, ‘cách mạng’ của ông là cách mạng kiểu lénin.

Ông Hồ nhấn mạnh rằng sự tin theo Lênin và Đệ tam Quốc tế của ông là một sự tin theo ‘hoàn toàn’. Do đó, sự ‘vận dụng’ tư tưởng Lênin của ông vào cách mạng ở Việt-Nam tất nhiên cũng phải là một sự áp dụng hoàn toàn, triệt để, toàn bộ. Cho nên muốn hiểu con đường cách mạng, chủ trương cách mạng và tinh thần cách mạng của ông, chúng ta cũng phải biết rõ về chủ thuyết của Lênin.

Tài liệu mà chúng ta cần cứu xét để hiểu đường lối chủ trương của ông Hồ và Lênin là một số tuyên bố, báo cáo, bài viết cho báo chí, phỏng vấn, được thâu gop thành tập, hoặc toàn tập (Hồ-Chí-Minh : 10 tập, Lênin : 30 tập), hoặc, tiện hơn, tuyển tập (Hồ-Chí-Minh : 2 tập, Lênin : 3 tập). Tất nhiên ta không cần

phải đọc hết những tập này, mà chỉ cần cứu xét một số tác phẩm then chốt. Giới hạn của thiên khảo luận này không cho phép trình bày chi tiết từng bài trong số những bài đó mà chỉ nhắc đến chúng trong phần chú dẫn (14), nhưng nội dung của chúng sẽ được đề cập đến rộng rãi ở đoạn dưới đây. Để cho bản văn khỏi nặng nề, những gì có tính cách phổ cập sẽ không mang chú dẫn.

Ông Hồ là người yêu nước. Vì yêu nước ông đi vào con đường cách mạng và tinh thần cách mạng ông rất cao. Điều đó không thể phủ nhận. Nhưng ông không phải là người duy nhất ở trong tình trạng này. Có bao nhiêu người khác thuộc thế hệ trước ông - các cụ Phan-Đinh-Phùng, Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh..., thuộc thế hệ ông - Nguyễn-Thái-Học, Nguyễn-An-Ninh, Nguyễn-Tường-Tam... - hoặc sau ông - thế hệ sau thế giới chiến thứ nhứt - cũng vì lòng yêu nước nồng nhiệt đã tham gia vào cuộc chiến dành độc lập cho xứ sở.

Các cơ quan tuyên truyền của Đảng cộng sản việt-nam không ngót nói rằng năm 1911 ông Hồ đã rời xứ đi Tây phương ‘để tìm đường cứu nước’. Thật ra, trong tự truyện của ông, dưới bút hiệu Trần-Dân-Tiên,

(13) *Đường Kách Mệnh*, Tuyển Tập I, tr. 233. (Xem chú dẫn 16).

(14) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, 10 tập, Hà-nội, nxb Sự Thật, 1980-1989, và *Hồ Chí Minh Tuyển tập*, I, 1920-1954, và II, 1955-1969, Hà nội, Nxb Sự Thật, 1980 . Những bài quan trọng nhứt trong (Tuyển tập) là:

1- Đường Kách Mệnh, 1927 (Tập I). 2- Chánh cương vấn tắt của Đảng, 1930 (T. I). 3- Báo cáo chánh trị, Đại hội II, 1951 (T. I). 4- Nói chuyện với cán bộ các cơ quan Đảng... Trung ương, 1953 (T. I). 5- Chủ nghĩa Lênin và công cuộc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Bài viết cho *Pravda*, 1955, (Tập II). 6- Đạo đức Cách mạng, 1958, (T. II). 10- Diễn văn khai mạc Đại hội III, 1960, (T. II). 11- Hai mươi năm thắng lợi của cách mạng Việt-Nam. Viết cho tạp chí *Thời mới* (*New Times*), Liên-Xô, 1965 (T. II). 12- Bài nói chuyện ở lớp huấn luyện đảng viên mới, 1966 (T II). 13- Những bài học lớn của Cách mạng tháng 10. Viết cho báo *Pravda* nhân dịp 50 năm kỷ niệm thành lập Liên-Xô, 1967 (T II). 14- Về chủ nghĩa Lênin và cách mạng việt-nam. Phỏng vấn bởi phóng viên báo *L'Humanité*, Charles Fourniau, 1969 (T. II).

Lenin, *Selected Works*, 3 volumes, Moscow, Progress Publishers, 1977. Những tác phẩm của Lênin liên quan nhứt đến vấn đề này là:

1- What is to be done (Phải làm gì?), 1902 (T. I). 2- Two tactics of social democracy in the democratic revolution (Hai chiến thuật của dân chủ xã hội trong cuộc cách mạng dân chủ), 1905 (T. I). 3- Lessons of the Moscow uprising (Những bài học của cuộc khởi nghĩa Môskôva), 1906 (T. I). 4- Imperialism (Chủ nghĩa đế quốc), 1917 (T. I). 5- On compromises (Bàn về nhân nhượng), 1917 (T. II). 6- The State and Revolution (Quốc gia và Cách mạng), 1917, (T. II). 8- Marxism and insurrection (Chủ nghĩa mác xít và khởi nghĩa), 1917 (T. II). 9- The proletarian revolution and the renegade Kautsky (Cuộc cách mạng vô sản và tên phản bội Kautsky), 1918 (T. III). 10- Những diễn văn tại các Đại hội Đệ tam Quốc tế, 1919-1924 (T. III). 11- Leftwing communism, an infantile disorder (Cộng sản tả khuynh, một bệnh ấu trĩ), 1920 (T. III).

Ngoài những tác phẩm trên tư tưởng cũng nên nhắc đến quyển *Principes du Léninisme* (Nguyên lý chủ thuyết Lênin) của Stalin, là tác phẩm quen thuộc của tất cả những người cộng sản việt-nam trước 1945.

(15), ông ta chỉ nói rằng ông đi Tây phương để xem có học được gì để về ‘giúp nước’ không. Lúc này, cũng như các nhà cách mạng khác, ông không kiêu căng cho rằng mình là người ‘cứu nước’. Tư cách ‘cứu nước’ này do đồ đẽ ông đưa ra sau này để lợi dụng uy danh của ông.

Nhưng ra đi với ý định như thế thì cũng như bao người việt-nam khác, cũng vì yêu nước, đã kiểm đường xuất ngoại như ông. Cụ Phan-Bội-Châu và rất nhiều người thuộc phong trào Đông du đã làm như vậy. Và biết bao nhiêu thanh niên trong phong trào Tây du sau này, trong lứa tuổi 20, khi đặt chân xuống Marseille, cũng có ý nghĩ như ông Hồ vậy.

Đặc điểm chung về những người Đông du hoặc Tây du trên đây là mục tiêu của cách mạng, mục tiêu của họ chỉ là chống Pháp dàn lại độc lập cho Việt-Nam. Họ không có tham vọng xoay trời chuyển đất thay đổi quan hệ lực lượng trên thế giới; lật đổ chính quyền của nước khác, nhứt là của những đại cường quốc; tiêu diệt một chế độ kinh tế xã hội nào; và họ không hề có dã tâm chủ trương, hay nghĩ đến, việc trấn áp, thanh toán, hàng ngàn, hàng vạn đồng bào, hoặc tước quyền làm người và làm công dân của những người việt-nam không ‘tiếp thu’ một chủ thuyết chủ trương ‘cách mạng thế giới’ theo kiểu lê-nin-nít.

Con đường của ông Hồ thì khác hẳn. Ngay từ năm 1920, ông đã dứt khoát, nhứt quyết và hoàn toàn lựa chọn theo Lênin và Đệ tam Quốc tế. Ai cũng biết rằng Lênin là người đã lãnh đạo thành công cuộc Cánh mạng tháng 10 (1917) mở đường cho Đảng cộng sản Nga cướp chính quyền và lập ra Liên bang Xô viết. Nhưng có một điều cần nhấn mạnh ở đây. Đó là mục tiêu lớn của Lênin, không phải là cải tạo nước Nga, mà cải tạo thế giới, diệt tiêu chủ nghĩa tư sản trên quy mô toàn cầu. Với một người ký giả hỏi ông về ý định của ông về thể chế sẽ được thiết lập ở Nga, ông ta trả lời rằng ông ta nhứt quyết thiết lập một quốc gia xã hội chủ nghĩa Nga, nhưng đây không phải là mục

tiêu chính của ông. “Mục tiêu chính không phải là Nga... Tôi nhổ nước bọt vào nước Nga (*I spit on Russia*). Đây chỉ là một giai đoạn trên đường đi đến cách mạng thế giới... Tôi sẽ tiêu diệt tất cả... Tôi sẽ thẳng tay trừu trị tất cả những kẻ chống lại cách mạng.” (16).

Để thực hiện ý đồ cách mạng thế giới, năm 1919, Lênin lập ra Đệ tam Quốc tế. Cũng như Đảng cộng sản Nga, Đệ tam Quốc tế này được tổ chức theo mô hình bôn-sê-vích, nghĩa là như một đạo quân cách mạng chuyên nghiệp, tuân theo một kỷ luật sắt, và nằm dưới quyền chỉ huy của một ban Tổng tham mưu thống nhất có quyền hành tuyệt đối. Thành phần của Đệ tam Quốc tế này là các đảng cộng sản của các nước. Nhưng những đảng này do một Ủy ban Chấp hành Trung ương điều khiển và phải tuyệt đối thi hành mệnh lệnh của Ủy ban này, như các đơn vị trong một đạo quân tuân lệnh Tổng tư lệnh. Đặc điểm của tổ chức là Đệ tam Quốc tế phải được coi như là Đảng cộng sản thế giới. Trên toàn thế giới chỉ có một đảng cộng sản. Các đảng cộng sản các nước chỉ là chi bộ của đảng này, và lãnh tụ của Đảng cộng sản Nga là lãnh tụ toàn quyền của tổ chức. Đây là áp dụng nguyên tắc bôn-sê-vích tập trung dân chủ mà Lênin buộc tất cả những người theo Cộng sản phải chấp nhận.

Trên đây là những tư tưởng và mô thức thực hành mà ông Hồ-Chí-Minh chấp nhận ‘hoàn toàn’, áp dụng và truyền bá vào Việt-Nam. Từ 1923, lúc còn ở Nga, ông đã hiểu rõ tính chất của chủ thuyết lenin và Đệ tam Quốc tế. Trong một bức thư gửi từ Môskôva cho Đảng cộng sản Pháp, ông nhắc họ rằng “Quốc Tế của chúng ta” là “một đảng duy nhứt”. Ngay trong những bài giảng cho nhóm đồ đẽ đầu tiên của ông ở Quảng-Đông những năm 1925-1926, ông đã nhấn mạnh rằng có nhiều học thuyết cách mạng, nhưng “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa lénin”, và “Đệ tam Quốc tế là một đảng cộng sản thế giới. Các đảng các nước như

(15) Trần-Dân-Tiên, *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Hà-nội, nxb Văn học, 1976 (1948). Tác giả thực sự của tác phẩm này là ông Hồ.

(16) David Shub, *Lenin*, New York, Mentor Books, The New American Library, 1948, tr.142-143

là chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch Đệ tam Quốc tế thì các đảng không được làm” (17). Trong một bức thư gửi cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông-Dương, tháng 4 năm 1931, ông Hồ nhắc chi bộ các đảng rằng “những Nghị quyết (của các chi bộ) phải đệ trình lên Trung ương. Trung ương sẽ chuyển lên Quốc tế thứ ba... Có làm như thế... sự liên lạc từ chi bộ đến Quốc tế thứ ba mới thực hiện được. Đó là ý nguyện của Quốc tế thứ ba”. (18)

Trong chủ thuyết /tư tưởng lenin có ba quan niệm khá đặc biệt.

Quan niệm thứ nhứt là quan niệm về chuyên chế và sử dụng bạo lực. Lênin chủ trương chuyên chế triệt để và sử dụng bạo lực tối đa. Theo ông ta, một trong những mục tiêu của cách mạng là thiết lập một chế độ chuyên chế vô sản, và ông quan niệm rằng chuyên chế vô sản là “sử dụng bạo lực tối đa không chấp nhận một giới hạn nào hết”.

Quan niệm thứ hai là quan niệm về tinh thần quốc tế vô sản. Ông đòi hỏi những người muốn theo cộng sản phải từ bỏ hoàn toàn ‘tinh thần quốc gia’, mà ông gọi là ‘tinh thần tư sản’. Người có tinh thần này coi việc bảo vệ quốc gia của mình là một nhiệm vụ cao cả. Đối với Lênin, đó là tinh thần quốc gia ‘hẹp hòi’. Ông đòi người cộng sản phải dứt khoát biểu hiện ‘tinh thần quốc tế vô sản chân chính’, nghĩa là làm tất cả những gì đem lại thắng lợi cho cuộc cách mạng vô sản, từ chối, và ngay cả chống lại sự tham gia vào sự bảo vệ của quốc gia mình nếu người cầm quyền thuộc về giới tư sản.

Cuối cùng, một trong những quan niệm quan trọng, và có thể nói là quan trọng nhứt, của Lênin liên quan đến vấn đề sách lược. Theo Lênin, sự thành công hay thất bại của cách mạng tùy thuộc sự kiện người làm cách mạng có đủ khả năng hay không để áp dụng những biện pháp sách lược uyển chuyển tối đa, trong khi hết sức cứng rắn về phương diện nguyên tắc và chiến lược. Người làm cách mạng phải luôn luôn sẵn

sàng thay đổi sách lược để thích ứng với tình hình, kể cả chấp nhận nhân nhượng khi cần thiết để tránh tổn thất tai hại cho cách mạng. Kẻ nào không biết nhân nhượng không phải là người xứng đáng mang danh cách mạng. Ông ta đã viết một tác phẩm danh tiếng, *Cộng sản tả khuynh, một căn bệnh ấu trĩ* (Left-wing communism - an infantile disorder), để làm nổi bật tầm quan trọng của vấn đề này.

Những điều nêu trên là cái ‘bất biến’ mà ông Hồ dạy đồ đệ của ông dùng để ‘ứng vận biến’ và thực hiện mục tiêu của người cộng sản chân chính : cách mạng thế giới theo ý nguyện của Lênin và Đệ tam Quốc tế.

Ông Hồ thường nhắc đến ‘thời cơ’ và ‘đoàn kết’. Từ 1920 đến năm 1945, thời cơ và đoàn kết chưa có nên ý nguyện của Lênin và Đệ tam Quốc tế không thực hiện được. Theo chủ thuyết Lênin, phải mềm dẻo về sách lược (chiến thuật). Cho nên ông Hồ, với tư cách là đại diện của Đệ tam Quốc tế, thường chỉ thị cho Đảng cộng sản Đông-Dương một đảng - trong Đảng - thì phải triệt để bôn-sê-vích hóa, nhưng một đảng - ngoài Đảng - thì đừng có ồn ào về tính cách cộng sản của Đảng, phải dùng sách lược uyển chuyển để lôi kéo những phần tử không cộng sản và phân hóa phe địch. Đường lối của Đảng là : chiến lược không thay đổi, còn chiến sách thì tùy theo tình hình... thay đổi mà sửa đổi luôn; phải “gầy dựng một Đảng đích thực bôn-sê-vích”; người cộng sản “phải hiểu rõ chiến sách và chiến lược của bộ tham mưu của thế giới cách mệnh là Quốc tế Cộng sản”; “chúng ta theo chủ nghĩa quốc tế, không phải theo chủ nghĩa quốc gia, nhưng... chúng ta phải nâng cao tinh thần tranh đấu giải phóng... nghĩa là hình thức là dân tộc mà nội dung thì quốc tế” (19).

Tưởng cần nói rõ ở đây là quy chế của Đệ tam Quốc tế buộc các đảng cộng sản phải đệ trình nghị quyết của mình cho Ủy ban Chấp hành của tổ chức

(17) *Tuyển tập*, T. I, tr. 240, 263, 15.

(18) *Tuyển Tập*, T. I, tr. 317.

(19) Xem các nghị quyết của ĐCSVN từ 1930 đến 1936, trong: *Lịch sử Đảng cộng sản Việt-Nam*, Tập I, sđd., tr. 53 và kế tiếp.

này duyệt xét trước khi thi hành. Phần khác, ngay từ lúc đến Môskôva (1923) ông Hồ được công nhận là một ‘Cominternchik’ (cán bộ ưu tú nhất của Đệ tam Quốc tế) và một người nắm rất vững chủ thuyết lenin. Do đó, ông được cử làm đại diện của tổ chức này ở Đông-Nam-Á. Theo tác giả liên-xô A. Reznikov, với tư cách này, ông được Ủy ban Chấp hành giao cho trách nhiệm duyệt xét các nghị quyết của Đảng cộng sản việt-nam. Như thế có thể coi ông như là tác giả đương nhiên của những nghị quyết của Đảng cộng sản việt-nam. Phần khác, Đệ tam Quốc tế đã cùng với Đảng cộng sản Pháp cho dịch ra những văn kiện căn bản của Đệ tam Quốc tế và tác phẩm của Lênin cho Đảng cộng sản việt-nam dùng (20).

Vì những lý do kể trên, từ 1931 đến 1947, và có thể nói đến 1951, ông Hồ đã áp dụng rất đúng chiến thuật kiểu Lênin và lèo lái Đảng cộng sản việt-nam theo một đường lối ‘uyển chuyển’, đường lối ‘Mặt trận Thống nhứt’ - trong Đảng gọi là ‘đường lối Dimitrov’, theo tên chủ tịch Ủy ban Chấp hành của Đệ tam Quốc tế thời đó. Đây là đường lối ‘Mặt trận liên hiệp’ được Stalin ấn định để đương đầu với nguy cơ phát-xít sau khi Hitler và Mussolini nắm quyền ở Đức và Ý, và liên minh với Nhựt-Bổn. Liên hiệp là liên hiệp với các chính phủ tư sản và các đảng phái thành phần tư sản. Điều này giải thích tại sao Hồ-Chí-Minh ép Đảng công sản việt-nam phải theo đường lối tương đối ôn hoà - ‘đại đoàn kết’, ‘mặt trận’, ‘liên hiệp’ - đối với những đảng phái và thành phần quốc gia không cộng sản - ngoại trừ đảng viên Tờ-rốt-skít - vì Stalin coi những thành phần này là kẻ thù không đội trời chung.

Đảng viên Đảng cộng sản việt-nam được chỉ thị tuyệt đối không được nói đến ‘cộng sản’ mà chỉ dùng danh từ ‘cứu quốc’ trong giao thiệp với ngoài Đảng. Theo bà Lê-Thị-Anh, ở Nam bộ cán bộ cộng

sản được lệnh dừng dương cờ cộng sản. (21) Ở Thái-Lan cũng vậy, theo ông Hoàng-Văn-Hoan. (22) Với người Mỹ, ông Hồ và ông Giáp quả quyết với thiếu tá Patti, trưởng phái bộ Mỹ ở Hà-nội, rằng họ là ‘quốc gia trước và đảng viên (Đảng cộng sản) sau’ (‘nationalist first, and party members second’). (23) Tháng 11 năm 1945, để chứng minh rằng ông và đồng chí của ông không phải là cộng sản, ông ra lệnh ‘giải tán’ ngay cả Đảng cộng sản việt-nam. Nhưng, như ông giải thích sau này, năm 1951, đó chỉ là chuyện vậy mà không phải vậy : Đảng giải tán, nhưng mà vẫn nắm thực quyền.

Năm 1951, sau khi Cộng sản Trung-Hoa đã thắng phe quốc gia của Tưởng-Giới-Thạch, quân Trung Cộng đến biên giới Việt-Nam và viện trợ quy mô cho binh đội của ông, đặt Đảng cộng sản việt-nam vào thế chiến thắng chắc chắn, ông Hồ mới công khai dương cờ thực sự của ông lên và tự nhận là cộng sản và đồ đệ của Lênin.

Năm 1951 là năm ông Hồ cho Đảng cộng sản việt-nam xuất hiện trở lại, tuy rằng vẫn với một nhãn hiệu mang màu hồng nhạt - Đảng lao động việt-nam - vì Đảng chưa ở thế hoàn toàn làm chủ tình hình, còn cần sự hợp tác của những phần tử quốc gia không cộng sản để đạt mục đích thực của mình.

Dù sao, đây là dịp ông công bố rằng từ ngày Cách mạng tháng 10 thành công và Lênin xây dựng Quốc tế Cộng sản thành một đại gia đình cộng sản, “Đảng ta là một trong những con út của đại gia đình ấy”, và ý nghĩa của Cách mạng tháng 8 là cách mạng đó “đã cho chúng ta trở nên một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới... phe dân chủ do Liên Xô lãnh đạo”. Nhân dịp này ông nói rõ rằng thế nào mới là yêu nước ‘chân chính’. Đó là yêu nước theo quan niệm Lênin. Ông giải thích : ‘yêu nước chân chính’ là ‘một

(20) Xem chương về ‘The Comintern and the communist Party of Indochina’ (Đệ tam Quốc tế và Đảng cộng sản Đông-Dương), trong tác phẩm của A. Reznikov: *The Comintern and the East*, Moscow, Progress Publishers, 1978, tr. 161-181.

(21) Trong : Al Santoli, *To bear any Burden*, New York, E.P. Dutton, 1985, tr. 32 và kế tiếp.

(22) Hoàng-Văn-Hoan, Hồi ký, *Giọt nước trong biển cả*, Bắc-Kinh, nxb Tin Việt Nam, 1986, tr. 287-291.

(23) Archimedes L.A. Patti, *Why Viet Nam?* Berkeley, University of California Press, 1980, tr. 246.

bộ phận của tinh thần quốc tế’. Tinh thần ‘quốc tế’ đây, theo giải thích được nhắc lại không ngớt của các lãnh tụ Đảng cộng sản việt-nam, là quốc tế ‘vô sản’.

Quan trọng hơn cả, ông Hồ hánh diện tuyên bố rằng “ta có một Đảng to lớn, mạnh mẽ... là vì ta có chủ nghĩa mác-lênin...” Đảng đó mang tên Đảng lao động việt-nam.

«Về lý luận, Đảng lao động việt-nam theo chủ nghĩa mác-lênin.

Về tổ chức, Đảng lao động việt-nam theo chế độ dân chủ tập trung.

Về kỷ luật, Đảng lao động theo kỷ luật sắt...

Về luật phát triển, Đảng lao động việt-nam dùng lối phê bình và tự phê bình» (24).

(Hai điểm chót này là hai điểm quan trọng trong chủ thuyết lenin về tổ chức những đảng bôn-sê-vích).

Từ ngày Đảng cộng sản Việt-Nam tái xuất hiện trở đi, ông Hồ không ngần ngại công khai tuyên

bố Đảng phải “tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản” và “con đường thắng lợi của cách mạng Việt-Nam chính là theo con đường của Cách mạng tháng 10 Nga, mà Lênin đã vạch ra cho nhân dân thế giới”. (25) Và ông giải thích thế nào là ‘thẩm nhuần’ những lời dạy của Lênin và những bài học lớn của cách mạng tháng 10. Trong những điểm này, ông nhấn mạnh:

1/“Dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”;

2/ “Không ngừng tăng cường và củng cố nền chính quyền vô sản”, và sau khi đã giành được chính quyền thì “nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản... để tiến lên chủ nghĩa cộng sản”;

3/“Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản.” (26).

(24) Báo cáo chính trị, Đại hội II, 1951, *Tuyển tập I*, tr. 461 và kế tiếp.

(25) Bài viết cho tạp chí liên-xô *New Times*, năm 1965, *Tuyển Tập II*, tr. 390-391.

(26) Bài viết cho nhật báo liên xô *Pravda*, 1967, *Tuyển Tập II*, tr. 466-467.

IV. Di sản của Hồ-Chí-Minh

Trên đây là đường lối, lập trường, căn bản mà ông Hồ đã truyền lại cho đồ đệ ông. Những tuyên bố của ông từ đó đến lúc ông qua đời (1969), cũng như những tuyên bố và bài bản của các lãnh tụ và các cơ quan Đảng cộng sản việt-nam, chỉ là những bản sao đi chép lại, thêm bớt ít nhiều, sắp xếp khác nhau, của đường lối lập trường này.

Về phương diện áp dụng, trong những giáo huấn của ông Hồ có một số mà những lãnh tụ và các cơ quan tuyên huấn của Đảng cộng sản việt-nam nhắc đi nhắc lại không ngừng. Đó là:

1. kết hợp độc lập với chủ nghĩa cộng sản,
2. kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản,
3. bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa,
4. tin tưởng rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ thắng chủ nghĩa tư bản,
5. đặt Đảng lên trên hết.

Về điểm 1 và 2, đồ đệ ông Hồ nhận thấy ở ông “một chiến sĩ cộng sản vĩ đại”, “tượng trưng của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý tưởng độc lập với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, giữa chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản”, người phát hiện ra sự thật thâm thúy là “độc lập không thể tách rời chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” (27), “hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản vô cùng trung thực và trong sáng”, người thiên tài đã thấy nhu cầu “gắn chặt sự nghiệp cách mạng của nhân dân việt-nam với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới” (28), đã

“thấy rõ cách mạng Việt-Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, và nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt-Nam là ủng hộ Liên-Xô.” (29)

Cũng trong chiều hướng đó, Lê-Duẫn nói về ông Hồ như sau :

«Là người học trò trung thành của Các-Mác và Lê-nin, Hồ Chủ tịch chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại, mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế... thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ đoàn kết quốc tế, vì sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt Nam, vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới.» (30)

Về phương diện này, tướng cũng nên nhấn mạnh rằng ông Hồ cũng đã xác định rất rõ lập trường căn bản của ông và của Đảng mà ông tạo ra. Tại Đại hội III, năm 1960, nghĩa là Đại hội sau khi miền Bắc Việt-Nam đã hoàn toàn độc lập, ông tuyên bố :

«Cách mạng Việt-Nam là một bộ phận của lực lượng hoà bình xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Nước Việt-Nam Dân chủ Cộng hoà là một thành viên trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên-Xô vĩ đại.

Chúng ta có nhiệm vụ giữ vững vị trí tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông-Nam-Á và trên thế giới.» (31) (nghĩa là an ninh của Liên-Xô và phe cộng sản).

(27) Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng: *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh*, Hà nội, nxb Sư Thật, 1970, tr. 8 và 25.

(28) Phạm-Văn-Đồng, ‘*Hồ Chủ Tịch, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*’, trong *Một số vấn đề Nhà nước*, Hà-nội, nxb Sư Thật, 1980, tr.186 và kế tiếp.

(29) Trưởng-Chinh: *Hồ Chủ tịch*, sđd, tr.37.

(30) Lê-Duẫn : *Chủ tịch Hồ-Chí-Minh*, sđd, tr. 21.

(31) Diễn văn khai mạc, Đại hội III, 5.9.1960, *Tuyển tập T. II*, tr. 186.

Tóm tắt ông Hồ

1/ đã ghép cúng độc lập Việt-Nam vào chủ nghĩa cộng sản, và

2/ cột chặt số phận Việt-Nam vào Liên-Xô và phong trào cộng sản quốc tế.

Như ta sẽ thấy ở đoạn dưới, sự cột chặt này sẽ có những hậu quả lớn lao cho Việt-Nam trước cũng như sau 1975.

Về điểm 3 : “bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa” như Phạm-Văn-Đồng ghi nhận : một đóng góp của Hồ-Chí-Minh là “đường lối cách mạng nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không trải qua giai đoạn phát triển tư bản.” (32) Các lãnh tụ Đảng cộng sản việt-nam coi đây là một đóng góp rất lớn của ông Hồ vì nó cho nước Việt-Nam xã hội chủ nghĩa khả năng tiến nhanh trên đường phát triển để thực hiện chủ nghĩa xã hội và cộng sản. Sau khi chiếm được quyền trên toàn cõi Việt-Nam, Lê-Duẫn và các đồng chí của ông tin chắc như vậy.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội IV, năm 1976, Lê-Duẫn nhấn mạnh rằng đặc điểm lớn nhất nói lên thực chất của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-Nam là “nước ta vẫn đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.” (33) Khẩu hiệu được tung ra lúc đó là “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội”.

Ông Hồ đã kể (trong Trần-Dân-Tiên, *Những mẫu chuyện..*) rằng : năm 1920, ông đã khóc lên khi được đọc ‘Luận cương về vấn đề quốc gia và thuộc địa’ của Lenin vì ông nghĩ rằng ông đã tìm ra con đường cứu nước. Trước đó ông đứng trước một vấn đề nan giải : theo quy luật phát triển xã hội của Mác, con đường đi từ chế độ phong kiến đến chế độ xã hội phải

qua chế độ tư bản trước, vậy lấy ai để làm cách mạng, và làm sao thực hiện chủ nghĩa cộng sản được trong tình trạng một nước Việt-Nam còn phong kiến, chậm tiến chưa có cơ sở kỹ nghệ gì cả ? Lenin đã trấn an ông với luận điểm rằng : một nước chậm tiến theo cộng sản có thể đi thẳng lên chủ nghĩa cộng sản không cần qua giai đoạn tư bản vì có sự giúp đỡ của các nước cộng sản khác đã phát triển.

Luận điểm trên đây, tuy hay, nhưng không có gì bảo đảm là nó sẽ được thực tại lịch sử xác nhận. Tuy vậy, ông Hồ vẫn tin chắc vào thiên tài của Lenin, và năm 1960, ông phán quyết rằng, về kinh tế, “Miền Bắc nhất định phải tiến lên xã hội chủ nghĩa. Mà đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua *giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*.” (34)

Về điểm 4 - “tin rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ thắng chủ nghĩa tư bản” - vì tin mãnh liệt rằng Lenin là một ‘nhà chiến lược vĩ đại’, còn vĩ đại hơn Stalin và Mao, không thể lầm được, ông ta tất nhiên chấp nhận không chút thắc mắc thuyết về chiến tranh không thể tránh được của ông này. Ngay từ ngày ông khai sinh ra Đảng cộng sản việt-nam, năm 1930, ông đã nói lên sự phân chia của thế giới chia thành hai phe, và sự xung đột không thể tránh được của hai phe đó. Trong sự xung đột này, phe thắng tất nhiên sẽ là phe cộng sản. Năm 1951, tại Đại hội II, phân tách tinh hình, ông tỏ ra rất lạc quan . Ông cho rằng nửa thế kỷ, 1900-1950 có rất nhiều việc ‘rất quan trọng’, như Cách mạng tháng 10 Nga đã thành công và quân đội liên-xô chiến thắng năm 1945, và nhờ đó một nửa loài người đã tiến vào ‘dân chủ mới’, “song chúng ta có thể đoán rằng... nửa thế kỷ sau này sẽ có những biến đổi to lớn hơn nữa, vẻ vang hơn nữa.” (35). Tại Đại hội III, năm 1960, ông lại càng tỏ vẻ tin tưởng mạnh hơn nữa. Ông nói:

(32) Phạm-Văn-Đồng, *Một số vấn đề Nhà nước*, sđd, tr. 193.

(33) Đảng cộng sản Việt-Nam, *Báo cáo chính trị... Đại hội IV*, Hà-nội, nxb Sự Thật, 1977, tr. 47.

(34) Diễn văn nhân dịp kỷ niệm 30 năm hoạt động của Đảng, 6.1.1960, trong : *Tuyển tập*, T. II, tr. 159.

(35) *Báo cáo chính trị, Đại hội II*, 1951, trong : *Tuyển tập*, T. I, tr. 461.

«Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đã thành một hệ thống thế giới hùng mạnh, vững chắc như lũy thép thần đồng... Rõ ràng là lực lượng... xã hội chủ nghĩa trên thế giới đã mạnh hơn hẳn phe đế quốc... Chủ nghĩa xã hội cuối cùng nhất định sẽ toàn thắng khắp thế giới.» (36).

Ông Hồ qua đời năm 1969. Nếu ông còn sống năm 1975, chắc tin tưởng của ông còn mạnh hơn nữa. Nhưng các đồ đệ của ông đã thay ông làm việc đó. Báo cáo chính trị của Lê-Duẫn, và những diễn văn của ông ta và của những lãnh tụ khác của Đảng cộng sản việt-nam trong suốt thời gian 1975 đến 1991 đều nói lên sự thắng lợi chắc chắn của phe cộng sản và chủ nghĩa cộng sản. Ở đây chỉ đưa ra hai thí dụ để làm sáng tỏ điểm này. Trong Báo cáo chính trị Đại hội IV, đại hội chiến thắng (tháng 12 năm 1976), Lê-Duẫn tuyên bố:

«Dưới sự lãnh đạo thiên tài của Lênin, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi là bước nhảy vọt vĩ đại đầu tiên mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới... Ưu thế ấy cứ theo thời gian mà tăng lên một cách chắc chắn, không gì ngăn cản được... Cuộc sống hàng ngày chứng tỏ sức mạnh của chủ nghĩa xã hội là vô địch và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người... Tình hình cách mạng thế giới ngày nay thuận lợi hơn bao giờ kể, và đang đứng trước những triển vọng vô cùng tốt đẹp.» (37) (Lê-Duẫn nhấn mạnh).

Mười năm sau, sự lạc quan của nhóm lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam vẫn không bờ бер. Báo cáo chính trị Đại hội VI (tháng 12 năm 1986), do Trường-Chinh đọc, nói:

-
- (36) Diễn văn khai mạc Đại hội III, tài liệu đã dẫn, tr. 186-187.
- (37) Báo cáo chính trị, Đại hội IV, tài liệu đã dẫn, tr. 167-169, và 173..
- (38) Báo cáo chính trị, Đại hội VI, tài liệu đã dẫn, tr. 31.

«Các lực lượng cách mạng trên thế giới đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động, tiến công. Lực lượng mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên-Xô làm cột trụ, ngày càng được tăng cường... Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiến vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Những thành tựu của cộng đồng xã hội chủ nghĩa... là nhân tố quyết định trong sự tranh đua giữa hai hệ thống chính trị xã hội đối lập trên thế giới.» (38).

Sự tin tưởng vào Liên-Xô này kéo dài cho đến khi Liên-Xô giải thể. Ngay sáu tháng trước đó, tại Đại hội VII (tháng 6 năm 1991) các lãnh tụ Đảng cộng sản việt-nam còn tin chắc vào “lòng tin cậy và sự ủng hộ mạnh mẽ của Liên-Xô” và tuyên bố rằng “trước sau như một sẽ tăng cường đoàn kết hợp tác với Liên-Xô”. (39).

Cuối cùng, về điểm 5 : - ‘đặt Đảng lên trên hết’ - tưởng cần nhắc ở đây rằng : một trong những điểm quan trọng nhứt trong chủ thuyết Lênin là muôn cách mạng chắc chắn thành công phải có một công cụ hữu hiệu. Đó là một đảng cách mạng mà những đảng viên là những người cách mạng chuyên nghiệp và tuyệt đối trung thành với Đảng. Là một người cho rằng chủ nghĩa bôn-sê-vích là ‘một vũ khí tuyệt diệu’ (40), ông Hồ tất nhiên phải dạy đảng viên đặt Đảng vào ưu tư hàng đầu của họ. Vì vậy, khi đề cập đến đạo đức cách mạng, ông huấn thị họ rằng : “tiêu chuẩn số một của người cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng... Đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết.” (41).

Trong nhận quan ông Hồ và các đồ đệ của ông, Đảng chiếm phần quan trọng hơn nước và dân. Các

(39) Đảng cộng sản Việt-Nam, Văn kiện Đại hội VII, Hà-nội, nxb Sự Thật, tr. 168, 146.

(40) Hồ-Chí-Minh, Tuyển tập, T. II, tr. 16.

(41) ‘Đạo đức cách mạng’, trong Tuyển tập, T. II, sđd, tr. 97, 101.

văn kiện của Đảng thường sắp ba thực thể này theo thứ tự: 1/ Đảng, 2/ Nhà nước (Chính phủ), 3/ Dân.

Trong một thông điệp gửi cho quân đội, ông Hồ nói họ phải ‘trung với Đảng, hiếu với dân’. (42) Về nước thì không thấy thông điệp này đề cập đến.

Trong văn hóa Á-Đông khái niệm ‘trung’ thường đi đôi với ‘vua’, là tượng trưng cho nước, ‘dân’ được coi là quan trọng hơn ‘nước’, và ‘nước’ quan trọng hơn ‘vua’ (‘dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh’). Ghép ‘trung’ vào ‘đảng’ hàm ý coi ‘đảng’ là vua. Tất nhiên, trong Đảng cũng phải có người thấy rằng như vậy là ngang trái nên, trong phần lớn bài bản, thứ tự được sửa lại là ‘trung với nước, hiếu với dân’. Nhưng trong một số tài liệu chính thức quan trọng hạng nhứt của Đảng, sự sắp xếp Đảng-Dân vẫn giữ nguyên. Trong tác phẩm *Chủ tịch Hồ Chí Minh* do Ban Nghiên cứu lịch sử của Đảng trực thuộc Trung ương Đảng soạn thảo, phần giới thiệu nói rằng: “Đức độ cao quý của Hồ chủ tịch là trung với Đảng, hiếu với dân...” (43) Tác phẩm này xuất bản năm 1970. Nhưng một tác phẩm của đại tướng Võ-Nguyễn-Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giã nước*, xuất bản năm 1975, vẫn có những đoạn sau đây:

«Chấp hành lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước thiêng liêng của Hồ chủ tịch, để đánh thắng hoàn toàn một triệu quân Mỹ và chư hầu, các lực lượng vũ trang dân chúng ta càng phải ghi nhớ và thực hiện lời dạy của Người: ‘Trung với Đảng, hiếu với dân’...» (tr. 439).

(....)

«Các lực lượng vũ trang của nhân dân ta ở miền Bắc, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, đứng đầu là Hồ chủ tịch kính mến, đã nêu cao

truyền thống quyết chiến, quyết thắng, ‘trung với Đảng, hiếu với dân’... » tr.451-452 (44).

Tác phẩm do Quân đội Nhân dân biên soạn nói trên, tuy xuất bản năm 1979, cũng nói như vậy. Và tác phẩm *Hồ-Chí-Minh Tuyển Tập* do nhà xuất bản Sự Thật xuất bản năm 1980 vẫn còn nói “Hồ chủ tịch chỉ rõ, đạo đức cách mạng là ... ‘trung với Đảng, hiếu với dân’...” (45). Điều này cho thấy rõ những cấp lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-Nam thực sự nghĩ như vậy.

Vì những lẽ nêu trên, ta không lạ gì khi thấy các lãnh tụ của Đảng, như ông Phạm-Văn-Đồng, đồng hóa yêu nước với yêu xã hội chủ nghĩa, hay, đi xa hơn nữa, như ông Lê-Duẫn, đồng hóa dân tộc với xã hội chủ nghĩa.

Trong một bài nói chuyện về ‘*Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa yêu nước*’ năm 1958, ông Đồng nói: “Ở miền Bắc, yêu nước là tiếp thu chủ nghĩa xã hội.” (46).

Báo cáo chính trị Đại hội IV, do Lê-Duẫn đọc, ghi rằng: “Ngày nay, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một.” (47).

Nhưng Trung ương Đảng cộng sản Việt-Nam còn đi xa hơn một bước nữa và đồng hóa Tổ quốc với xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội IV tuyên bố: “Ngày nay, nước nhà đã hoàn toàn độc lập thì Tổ quốc và xã hội chủ nghĩa là một.” (48).

Quan niệm dân tộc và xã hội chủ nghĩa là một, và ngay cả Tổ quốc và xã hội chủ nghĩa cũng là một, kết hợp với quan niệm bôn-sê-vích dân chủ tập trung, đưa đến quan niệm Đảng là tất cả và Đảng là trên hết là chuyện dĩ nhiên, vì Đảng là hiện thân của chủ

(42) *Quân đội Nhân dân Việt-Nam 1944-1979*, Hà-nội, nxb Quân đội Nhân dân, 1979, tr. 296.

(43) Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, *Chủ tịch Hồ Chí Minh*, sđd., tr. 8.

(44) Võ-Nguyễn-Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giã nước*, Hà-nội, nxb Quân đội Nhân dân, 1975, Tập. I, tr. 439 và 451-452.

(45) Lời giới thiệu, trong *Hồ-Chí-Minh Tuyển tập*, T. I, sđd., tr. XXVIII.

(46) Phạm-Văn-Đồng, *Những chặng đường thắng lợi và vẻ vang*, Hà-nội, nxb Sự Thật, 1985, tr. 97.

(47) *Báo cáo chính trị Đại hội IV*, tài liệu đã dẫn, tr. 40.

(48) Đảng cộng sản Việt-Nam, *Nghị quyết Đại hội IV*, Hà-nội, 1977, nxb Sự Thật, 1985, tr. 97.

nghĩa xã hội. ‘Đảng vi quý, xã tắc thứ chi’. Điều này đã được ghi vào điều 4 của Hiến pháp 1982. Như vậy bảo đảm được sự phục tùng tuyệt đối của dân chúng đối với Đảng, nghĩa là với nhóm cầm quyền của Đảng tự coi là vua. Theo nguyên tắc dân chủ tập trung, các đảng viên còn phải phục tùng một cách tuyệt đối hơn nữa. Sự kiện này, kèm với nguyên tắc ‘tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách’ và nguyên tắc ‘nhất trí’ trong Đảng, là nguyên do chính chận đứng hết các sáng kiến mới, lạ, dù những sáng kiến này có hay, đúng và có lợi cho xứ sở đến mức nào nếu nó đi ngược lại quan điểm và quyền lợi của nhóm nắm thực quyền. Tóm tắt, với chủ trương đặt Đảng lên trên hết, ông Hồ đẩy Đảng cộng sản việt-nam vào một thế kẹt tuyệt đối, không thể đi một con đường nào mới hết, và nước và dân việt-nam cũng bị kẹt theo luôn.

Có sự kiện nêu trên là vì ông Hồ-Chí-Minh muốn theo gương Lenin làm cách mạng cực độ. Một ký giả Pháp, Gilbert Handache, nói ông ấy còn đi xa hơn cả Lenin, Stalin, và Mao nữa! (49) Ý chí cách mạng cực độ này đã dẫn ông Hồ từ sự yêu nước đến yêu chủ nghĩa xã hội và yêu chủ nghĩa cộng sản quốc tế cực đoan. Các văn kiện của Đảng cộng sản Việt-Nam không ngớt nhấn mạnh rằng : Bác đã từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa lenin, từ một nhà yêu nước trở thành một chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản quốc tế.

Trên con đường đó, ông Hồ đã biến Việt-Nam thành một công cụ của Quốc tế cộng sản và Liên-Xô, trong khi Lenin và Stalin thì ngược lại. Lê-Duẫn đã vô tình nói lên sự kiện này khi ông tán dương ông Hồ như sau:

«Mác, Ănghen, Lenin, Xталin xuất phát từ cách mạng vô sản, đi đến kết luận: chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với độc lập dân tộc. Còn Hồ chủ tịch thì xuất phát từ yêu cầu giải phóng dân tộc đã đi đến kết luận : sự nghiệp giải phóng dân tộc phải gắn liền với sự nghiệp xã hội chủ nghĩa.» (nghĩa là của Liên-Xô và / hay Trung-Cộng) (50).

Như Lenin chỉ coi nước Nga là một công cụ trên con đường đi đến cách mạng thế giới ông Hồ cũng coi nước Việt-Nam và dân việt-nam như một công cụ của cách mạng thế giới. Nếu Lenin sẵn sàng ‘nhổ nước bọt vào nước Nga’, như đã nói ở trên, thì ông Hồ cũng không ngại cho “toàn bộ nước Việt-Nam từ Bắc vào Nam trở thành tro, dù không còn người đàn ông, đàn bà, trẻ con nào sống sót” (51), “hy sinh mấy triệu chiến sĩ” (52), hoặc cho chiến tranh “kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm.” (53). (Trên thực tế, 30 năm, không kể chiến tranh với Kampuchia).

(49) Gilbert Hendache, *Ho-Chi-Minh*, số đặc biệt của *Planète Action*, Mars 1970, tr. 125 và kế tiếp.

(50) Lê-Duẫn, *Phấn đấu xây dựng nước Việt-Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp*, Hà-nội, nxb Sự Thật, 1979, tr. 10.

(51) Tuyên bố với trưởng Phái bộ OSS Patti, trong: *Why Viet Nam?* sđd., tr. 4.

(52) Kêu gọi chiến sĩ, nhân dân, 1965, trong *Tuyển tập II*, tr. 430.

(53) Diễn văn kháng chiến Nam bộ, 1945, trong: *Tuyển tập I*, tr. 375.

V. Tạm kết

Đối với sử gia, phê phán một nhân vật chính trị là một điều rất khó, rất tinh tế. Nó đòi hỏi một sự dè dặt tối đa. Đối với một nhân vật chưa thuộc hẳn về lịch sử vì chỉ khuất thế không được bao lâu, phê phán chỉ có thể có tính cách sơ bộ, tạm thời, vì thiếu dữ kiện đầy đủ và đáng tin.

Trong trường hợp một đối tượng như ông Hồ, có hai lý do chính khiến cho sử gia phải dè dặt hơn thường lệ. Một là tuyên truyền quy mô của cộng sản và giới thiêu tả việt-nam và quốc tế trong 40-50 năm qua đã tạo ra những huyền thoại ăn sâu trong dư luận, rất khó tranh cãi. Hai là trong một chế độ mà kỹ thuật che dấu đạt mức tối hảo, những dữ kiện về lãnh tụ của chế độ được giữ rất kín. Người ngoài Đảng chỉ biết được những gì Đảng muốn.

Tuy nhiên, với thời gian, dần dần sự thực cũng ra ánh sáng, và chân dung của các lãnh tụ cộng sản lộ ra càng ngày càng rõ. Ví dụ : Stalin được thần thánh hóa khi ông còn sống, nhưng chỉ bốn năm sau khi ông qua đời (1953), Krushchev, người kế vị ông ta, đưa ra ánh sáng những chuyện kinh khủng mà ông đã làm, gây kinh ngạc trên thế giới. Gần đây, những bê bối của Mao-Trạch-Đông, thần tượng của hàng chục triệu người cộng sản và chủ trương cách mạng thế giới, bị bác sĩ Li-Zhi-Sui, y sĩ tư của ông lúc ông còn là một thánh sống, đem phơi bày trong một tác phẩm làm chấn động thế giới, *The Private Life of Chairman Mao* (Cuộc đời tư của Chủ tịch Mao) (54), nhứt là sau khi tác phẩm này được BBC dùng làm chất liệu cho một cuốn phim về Mao. Đây cũng là trường hợp của một lãnh tụ cộng sản khác, ông thánh lớn nhứt của

phong trào cộng sản, Lênin. Sau khi Liên-Xô sụp đổ hồ sơ mật của cộng sản được mở cho sử gia xem, và tướng Dimitri Volkogonov, giám đốc của Viện sử học quân sự Nga, đã cứu xét những tài liệu về Lênin được giữ kín, và viết một tác phẩm về Lênin, *Lenin, A new Biography* (Lênin, một tiểu sử mới) (55), phơi bày tính cách ác quỷ của ông thiên thần liên-xô này lúc ông còn sống.

Về ông Hồ-Chí-Minh ta có thể tin chắc rằng không chống thì chầy cũng sẽ có những sự tiết lộ như vậy. Trong mấy chục năm qua, chính sách của Đảng là thần thánh hóa ông Hồ, tạo ra hình ảnh ‘Bác’ là một người hoàn toàn, không thể chê bai chỉ trích được. Đúng đến ‘Bác’ là một điều tối cấm kỵ. Điều này, trong và ngoài Đảng, ai cũng biết. Không ai muốn chuốc họa vào thân cả, nhứt là tình hình quốc nội cũng như quốc tế có vẻ chứng minh rằng những gì ‘Bác’ đề xương, chủ trương, giáo huấn đều đúng. Ở trong xứ thì Mỹ đang thua, ở trên thế giới thì liên minh Nga-Hoa có vế vững chắc. Liên-Xô hết sức hùng mạnh và đang đà vươn lên. Do đó, không ai nghi ngờ hay thắc mắc về những tính từ hoa mỹ được dùng để thần thánh hóa ‘Bác’.

Một phần không nhỏ những tính từ này xuất phát từ chính ngòi bút của ông Hồ. Là một đại chuyên gia về tuyên truyền, ông đã tự tạo ra huyền thoại về ông. Thủ đoạn của ông rất tinh vi. Trong những năm 1945-1948, chẳng ai biết gì về ông Hồ, vì trước đó ông ta đích thân áp dụng nguyên tắc mà ông dạy đồ đệ ông ta rất kỹ lúc huấn luyện họ ở Trung-Quốc : không cho ai biết gì về mình cả. Trong mấy năm liền, ký giả và học giả, nhứt là ngoại quốc, như bị giam dối. Đến lúc

(54) Dr Li-Zhi-Sui, *The Private Life of Chairman Mao*, New York, Random House, 1994.

(55) Dimitri Volkogonov, *Lenin, A New Biography*, New York, The Free Press, 1994.

quyển tiểu sử đầu tiên về ông Hồ, *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, mang tên tác giả Trần-Dân-Tiên, xuất hiện năm 1948, mọi người đều vồ lấy nó như vồ một khúc bánh mì quý báu. Đến năm 1950, một quyển nữa, mỏng hơn, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, mà tác giả là T. Lan, xuất hiện. Không ai biết tác giả thật của hai tiểu sử ông Hồ đó chính là ông ta!

Năm 1985, một tác giả cộng sản, Hà-Minh-Đức, có lẽ với mục tiêu chuẩn bị việc Đảng cộng sản Việt-Nam vận động UNESCO tuyên dương ông Hồ là một đại văn hào, xuất bản một tác phẩm đề cao tài năng của ông ta về phương diện văn chương, tựa đề *Tác phẩm văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (56). Tác phẩm này tiết lộ rằng tác giả của hai tiểu sử về ông Hồ nói trên chính là ông Hồ. Sách của Hà-Minh-Đức được Nguyễn-Khánh-Toàn, một cán bộ cao cấp Đảng cộng sản việt-nam biết rõ ông Hồ từ thời ông ở Môskôva, đề tựa. Phần khác, tiết lộ của Hà-Minh-Đức không hề bị lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam cải chính. Những sự kiện này xác nhận những xì xô ở Hà-nội rằng (hai quyển đó) “của Bác đã” là có căn cứ vững chắc.

Biết đích xác rằng ông Hồ là tác giả thực sự của hai quyển tiểu sử về ông là một điều rất quan trọng vì nó giúp ta hiểu một phần lớn tại sao có huyền thoại về một Hồ-Chí-Minh yêu nước, cách mạng, thiên tài, toàn vẹn, và có biết bao nhiêu tài đức khác, mà mọi người được nghe hằng ngày trong suốt mấy chục năm trời, và ngày nay vẫn còn nghe.

Những mĩ từ đó chính ông Hồ đã viết ra tay ông trong hai quyển tiểu sử nói trên. Nếu ta ghi lại tất cả những mĩ từ tông bốc đó thì nó chiếm toàn bộ 4 (bốn) trương giấy đánh máy. Sau đây là một số mà ta thường nghe/doc, trích từ *Những mẫu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*:

“Không muốn nói đến thân thế của mình...”
(tr.5);

(56) Hà-Minh-Đức, *Tác phẩm văn của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh*, Hà-nội, nxb Khoa học xã hội, 1985.

“người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết”; “một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì Tổ quốc”; “ông Nguyễn suốt ngày chỉ nghĩ đến Tổ quốc, và suốt đêm mơ đến Tổ quốc” (tr.45);

“một vị chủ tịch khác thường” (tr.108);

“người con yêu quý nhất của dân tộc việt nam” (tr.108);

“giản dị, thân mật như một người cha yêu dấu đối với dám con” (tr.110);

“luôn luôn là người cách mạng, trong sạch, hăng hái” (tr.126);

“nhân dân việt-nam muôn người như một, nghe theo lời Hồ chủ tịch, vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ chủ tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ chủ tịch” (tr.134);

“nhiều nhà báo và nhiều người bạn ngoại quốc rất lấy làm ngạc nhiên trước lòng kính yêu của nhân dân việt nam đối với Cha già của dân tộc” (tr.134);

“Chủ tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, đến dân tộc” (tr.136);

“mọi người kính mến Hồ chủ tịch, nhất là thanh niên và nhi đồng” (tr.137);

“nhân dân gọi Chủ tịch là Cha già của dân tộc vì Hồ chủ tịch là người con trung thành nhất của Tổ quốc việt-nam” (tr.138);

“Hồ Chủ tịch thì ít muốn nói về mình” (tr. 138)...

Xin nhắc lại, và nhấn mạnh ở đây là tất cả những lời lẽ tông bốc ông Hồ trên đây đều tay ông viết ra. Nhưng điều này trong mấy chục năm, không

ai biết, và vì thế huyền thoại về ông được tạo ra dễ dàng.

Như đã nói ở trên, qua thời gian, rồi cũng có những tiết lộ về ông Hồ xuất phát từ những người trong Đảng cộng sản việt-nam, hay giới thân cận của ông, cũng như trong trường hợp của những thần tượng cộng sản Lênin, Stalin và Mao. Thật ra, thủ đoạn tự tâng bốc mình của ông Hồ rồi sẽ làm hại cho ông nhiều, vì con người có khía cạnh tốt có khía cạnh không tốt. Khi người ta đã quen chỉ nghe/doc toàn những gì tốt đẹp về một lãnh tụ thì khi được nghe những điều không tốt, những điều này lại tự nó phồng lên, như trong trường hợp mấy lãnh tụ nêu trên. Người ta sẽ quên rằng ông Hồ, cũng như tất cả mọi người khác, không những chỉ có nhược điểm, mà cũng có ưu điểm, và sẽ phê phán ông gắt gao, khi những nhược điểm của ông bị đưa ra ánh sáng.

Có thể nói rằng, với sự sụp đổ của Đông-Âu và Liên-Xô, sự hạ bệ của mấy thần tượng Cách mạng tháng 10, sự từ bỏ chủ thuyết mác-lê và giải thể của Đảng Cộng sản và quốc gia liên-xô, thời điểm này đã bắt đầu. Những biến cố này đã gây dao động trong hàng ngũ Đảng cộng sản việt-nam, ngay cả trong lớp cao cấp, và đối với ông Hồ cũng bắt đầu có nghi vấn. Như Lê-Văn-Yến, thuộc Nhà xuất bản chính trị quốc gia, ghi nhận : "Trước sự sụp đổ của Liên-Xô và Đông-Âu cũng đã xuất hiện những luận điệu chống Hồ-Chí-Minh" (*Tạp chí Cộng sản*, 11/1993).

Thật ra thì, trong tình trạng đã động đến ông Hồ là một điều tối cấm kỵ, những chống đối ông ta chỉ có thể làm một cách gián tiếp, dùng chủ thuyết mác-lênin làm đối tượng. Vì ông Hồ là người đã đưa chủ thuyết mác-lênin này vào Việt-Nam, sáng lập ra Đảng cộng sản việt-nam, chiêu mộ đảng viên, huấn luyện và lãnh đạo họ, nên, trong thực tế, chỉ trích chống đối chủ thuyết này là chỉ trích chống đối ông ta.

Quan niệm như trên thì những chống đối ông Hồ công khai bắt đầu năm 1989 với chỉ trích nặng nề của Dương-Thu-Hương đối với chủ nghĩa xã hội. Kế đó Phan-Đinh-Diệu cũng phát biểu tương tự trong một văn kiện gây tiếng vang lớn. 'Kiến nghị về một chương

trình cấp bách' (1991). Từ đó, số người công khai phát biểu như vậy càng ngày càng nhiều, và phát biểu của họ càng táo bạo hơn. Thật ra thì quan điểm này đã được Hà-Sĩ-Phu đưa ra từ năm 1988 trong bài 'Đất tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ', nhưng bài này đã bị lãnh đạo Đảng cộng sản việt-nam ém nhẹm, và chỉ được công chúng biết đến vào năm 1993, khi nó được chuyển lậu ra khỏi xứ và được các báo việt-nam ở ngoại quốc đăng tải. Sau đó, Hà-Sĩ-Phu chỉ trích chủ thuyết mác-lê rất gay gắt, nhưng rất sâu sắc và chính xác, trong hai tác phẩm cực kỳ quan trọng, là : *Đôi điều suy nghĩ của một công dân* (1993), và *Chia tay ý thức hệ* (1995). Một số cán bộ khác cũng lên tiếng chỉ trích nặng nề chế độ hiện tại và kêu gọi Đảng chuyển hướng, bỏ con đường mác-lê. Trong những người này có những nhân vật danh tiếng trong giới cộng sản, như các ông Nguyễn-Hộ, Hồ-Hiếu, Trần-Độ. Nhưng bỏ con đường mác-lê là bỏ "con đường mà Bác đã lựa chọn", là nói rằng Bác đã đi lầm đường và dẫn Đảng cộng sản việt-nam và dân việt-nam đi lầm đường!

Người đã phạm việc 'cấm kỵ ghê gớm nhất hiện nay ở Việt-Nam', dám công khai phê phán đích danh 'Bác Hồ', là Lữ-Phương. Ông này là người đầu tiên dám làm việc động trời đó trên lãnh thổ của nước Việt-Nam cộng sản đang dưới sự trị vì của một nhóm lãnh đạo đã công bố nhiều lần quyết tâm tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa mác-lênin trong sáng.

Vì chủ đề ở đây không phải là phong trào Kháng đối cộng sản tại Việt-Nam, nên ta chỉ cần nêu lên điểm bao quát nhứt trong sự chỉ trích ông Hồ của Lữ-Phương trong một bài phân tích có thể nói là chứa chất nổ : 'Đàm thoại về chủ nghĩa xã hội mác-xít'. Ông ta nói :

« Trước khi nói đến cái 'trung thành' (đối với cái gọi là chủ nghĩa xã hội khoa học), thiết tưởng phải tìm hiểu xem cụ Hồ chọn lựa như thế nào... người ta được biết khi chọn lựa chủ nghĩa xã hội, cụ chẳng hiểu bao nhiêu về nó; cụ chẳng hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp, là bóc lột, là chiến lược, sách lược và bao nhiêu khái niệm khác nữa... Là

người cách mạng... cụ Hồ cứ thế mà đi tới - có lẽ chẳng bao giờ có thể ngờ về tính quá đơn giản trong sự lựa chọn của mình... cụ không thể nào lường được rằng khi làm như vậy cụ đã cột chặt số phận dân tộc vào một tổ chức quốc tế, một ý thức hệ quan trọng không thể giải phóng được con người. Sự bất lực trong phát triển kinh tế, sự trấn áp cực kỳ về chính trị và văn hóa mà mô hình chủ nghĩa xã hội nhân danh Mác, nhân danh cuộc cách mạng vô sản mang đến cho dân tộc việt-nam suốt bao nhiêu năm là điều quá rõ ràng : độc lập đã có, nhưng tự do hạnh phúc thì không - đó là điều mà bất cứ người việt-nam bình thường nào cũng có thể chứng minh được... việc đem ra thực hiện một cách toàn diện cái mô hình xã hội chủ nghĩa phi thị trường và chuyên chính vô sản, trong suốt một thời gian dài đã làm cho dân tộc cất đầu dậy không nổi trước sự đổi thay của thế giới. Chẳng lẽ cụ là người sinh ra Đảng, người lập ra nước mà không dính dáng, không trách nhiệm gì trước những chuyện tầy đình đó hay sao?» (57)

Vấn đề trách nhiệm của ông Hồ, giá trị của ‘tư tưởng’ và sự đúng sai của đường lối của ông, không sớm thì muộn sẽ được đặt ra một cách quy mô và sôi nổi hơn, không những trong công chúng, mà ngay cả trong hàng ngũ của Đảng cộng sản việt-nam. Trong những năm gần đây đã có sự tranh luận sôi nổi trong Đảng về vấn đề có nên duy trì hay không đường lối hiện nay của Đảng, nghĩa là đường lối ‘mà Bác Hồ đã lựa chọn’. Bằng chứng về sự kiện này đầy dãy. Không những cán bộ ở cấp trung, mà ngay cả ở cấp lãnh đạo, cũng có những sự ‘băn khoăn’ và ‘trăn trở’.

Về cán bộ cấp trung, ta chỉ dẫn hai thí dụ. Một là Nguyễn-Kiến-Giang. Tuy xuất thân từ một gia đình đã hai đời cộng sản, có hơn 40 tuổi đảng và tự nhận là một đảng viên trung kiên, nhưng ông đã lên

(57) Lữ-Phương, ‘Đàm thoại về chủ nghĩa Mác xít’, *Điện Đàn* (Paris), số 24 (11.93).

(58) Nguyễn-Kiến-Giang, *Việt-Nam khủng hoảng và lối ra*, Garden Grove, CA, Trăm Hoa, 1993, và Nguyễn

tiếng nói rằng chủ nghĩa xã hội hằng gọi là khoa học chỉ là một không tưởng, và chính chế độ tư bản, chớ không phải chế độ xã hội chủ nghĩa mới đem lại công bằng xã hội cho giới lao động được (58). Hai là Hà-Nghiệp, nguyên bí thư của Trường-Chinh, nay là trợ lý của Đỗ-Mười. Trong một báo cáo tại Viện Mác-Lênin, năm 1992, ông ta nói:

«Chúng ta thiết kế xã hội theo cách vẽ ngựa rồi mới đi tìm ngựa... Đến nay, chúng ta chưa rõ mình là ai... chúng ta là ai, chưa thật rõ... Lâu nay chúng ta kiên định chủ nghĩa xã hội, nhưng chủ nghĩa xã hội là gì thì chúng ta chưa rõ. Cái xã hội chủ nghĩa thực tế đã thực hiện mấy chục năm nay ở Liên-Xô và các nước Đông-Âu thì đã tan rã. Nếu nói nước ta đi theo kiểu ấy thì dân sợ... Tôi đề nghị nên nói : “Chúng ta kiên trì mục tiêu và lý tưởng của chủ nghĩa xã hội” chứ không nên nói kiên trì xã hội chủ nghĩa vì cái đó ta chưa biết... nên khẳng định kiên trì tư tưởng Hồ-Chí-Minh, không nói Mác-Lênin.» (59)

Hà-Nghiệp đã chỉ trích chế độ cộng sản việt-nam hiện tại một cách rất khéo léo, và cố ý biện giải cho ông Hồ, nhưng trong thực tế, những gì ông ta chỉ trích và chủ trương bỏ đi lại là những gì mà, trong suốt mấy chục năm trời, chính ông Hồ đã đòi hỏi đảng viên phải trung thành tuyệt đối.

Ở một cấp cao hơn, ban chủ nhiệm *Tạp chí Cộng sản*, trong một bài xã luận năm 1992, nói thẳng rằng:

«Những năm đầu thành lập Đảng, do chịu ảnh hưởng đường lối ‘tả’ khuynh của Quốc tế cộng sản cho nên có lúc chúng ta quá nhấn mạnh tới yếu tố giai cấp, xem nhẹ yếu tố dân tộc... gạt bỏ mọi nhân tố dân tộc và yêu nước trong các giai cấp và tầng lớp xã hội khác... Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi Đảng ta chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất... do áp dụng

Kiến Giang, *Tuyển tập*, Garden Grove, CA, Trăm Hoa 1993.

(59) ‘Báo cáo của đồng chí Hà-Nghiệp’, trong *Đối Thoại*, Garden Grove, CA, số 2, 1994, tr. 152 và kế tiếp, số 2, 1994, tr. 152 và kế tiếp.

kinh nghiệm nước ngoài (Trung-Cộng) một cách giáo điều, máy móc, nên ta đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng...» (60)

Vì vô tình hay cố ý, tác giả không nói rõ rằng người ra lệnh phải theo Đệ tam Quốc tế, và áp dụng kinh nghiệm của Đảng cộng sản Trung-Quốc là ông Hồ!

Ở cấp cao nhứt của Đảng, trước Quốc hội, năm 1991, ông Đỗ-Mười đã nêu vấn đề : “Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, một câu hỏi lớn được đặt ra trước Đảng, toàn dân ta, trở thành nỗi băn khoăn trăn trở của nhiều người. Đó là đất nước ta phải đi theo con đường nào...” (61) Trước Đại hội VII (1991), ông Nguyễn-Văn-Linh công khai ghi nhận rằng vì cuộc khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa, “ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có hiện tượng dao động về lập trường, những khuynh hướng phủ định các thành tựu, từ đó phủ định con đường xã hội chủ nghĩa.” (62)

Đối với một đảng viên Đảng cộng sản viêt-nam đặt câu hỏi “phải đi theo con đường nào?” và phủ định con đường xã hội chủ nghĩa là đương nhiên hàm ý đòi từ bỏ ‘con đường mà Bác đã lựa chọn’.

Như đã thấy ở phần IV, ông Hồ đã để lại một di sản gồm năm điểm lớn. Thực tại đã chứng minh là về điểm nào ông ta cũng sai. Cũng như tất cả mọi người, một lúc nào đó, ông phải trực diện với thời gian và chịu sự phê phán về những sai lầm này. Sự phê phán này sẽ nặng nề đối với ông vì đồ đệ của ông, và ngay cả ông nữa, đã phong thần phong thánh ông, cho ông là thiên tài, không thể sai được, cũng như ông đã tin rằng Lênin, Stalin, và Mao không thể sai được.

Xét một cách khách quan và rộng rãi, ông Hồ

chỉ là một người như mọi người khác, có thể sai lầm. Nhưng, như các sử gia thường nói: “càng là nhân vật vĩ đại thì sai lầm càng vĩ đại”. Người ta đã ‘vĩ đại’ hóa ông Hồ, và như vậy, những sai lầm của ông cũng sẽ bị vĩ đại hóa. Có lẽ vì thế mà ông Phạm-Văn-Đồng, sau bao nhiêu năm đóng góp vào sự vĩ đại hóa ông Hồ, sau khi thấy các thần tượng cộng sản Đông-Âu và Liên-Xô bị hạ bệ, đã thấy nguy cơ đó nên đã đưa ra một quan điểm chính xác hơn, có thể chấp nhận hơn, là: “Hồ-Chí-Minh trước hết là một con người, và cuối cùng cũng chỉ là một con người. Nói Hồ-Chí-Minh là một ông Thánh là một cách hiểu phi hiện thực và phi khoa học.” (63) Nếu tất cả mọi người đều nghĩ như vậy, nhứt là trong Đảng cộng sản viêt-nam, thì may cho ông Hồ lắm!

Riêng về ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ thì chính cán bộ cao cấp của Đảng cộng sản viêt-nam cũng phải lo lắng là nó không có tương lai. Song-Thành, viện trưởng Viện Hồ-Chí-Minh đã rất lo ngại cho tương lai ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’. Ông viết trong *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan chỉ đạo tư tưởng của Đảng cộng sản viêt-nam :

«Ngoài xã hội, điều dễ nhận thấy là ở lứa tuổi thanh niên thiếu niên trưởng thành từ năm 1975, trí thức và tình cảm về Bác Hồ thua kém rất xa so với các thế hệ cha anh. Nếu tình hình này tiếp tục, thì chắc chắn rằng ước muôn làm cho tư tưởng Hồ-Chí-Minh cũng trở thành kim chỉ Nam cho hành động, giữ vị trí chỉ đạo trong xã hội ta, chỉ là ước muôn.» (64)

Cũng như Song-Thành, ông Phạm-Văn-Đồng ghi nhận : “Trừ một vài trường hợp đặc biệt, còn thì tuổi trẻ không thích vào Đảng, đồng thời thanh niên cũng không hào hứng vào Đoàn...” ‘Đoàn’ ở đây là

(60) Xã luận, *Tạp chí Cộng sản*, 2.1992.

(61) Đỗ-Mười, Phát biểu tại Quốc hội, 27-7-1991 trong: *Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội*, Tập I, Hà-nội nxb Sư Thật, 1992.

(62) Nguyễn-Văn-Linh, Báo cáo về các văn kiện Đại hội VII, 24.6.1991, *Đổi Mới để tiến lên*, Tập IV, nxb Sư Thật, 1992, tr. 154.

(63) Phạm-Văn-Đồng, *Hồ-Chí-Minh*, sđd., tr. 130.

(64) *Tạp Chí Công Sản*, 3.1992.

đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ-Chí-Minh. Tại sao? Vì, ông Đồng đáp : “Đảng ta, Nhà nước ta và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ-Chí-Minh chưa chú ý đầy đủ đến tuổi trẻ...” (65)

Hiện tượng nêu trên không đáng làm cho ta ngạc nhiên. Như đã trình bày ở đoạn trên, chính ông Hồ đã nói là ông không có tư tưởng gì ngoài tư tưởng mác-lênin. ‘Tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ là một sản phẩm giả tạo, do nhóm nắm quyền hiện tại của Đảng cộng sản việt-nam tạo ra để tiếp tục vị theo kiểu bôn-sê-vich. Họ không thể biến một cái gì không có thành cái có được. Bản chất của ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ là một cái bánh vẽ của nhóm cầm quyền Đảng cộng sản việt-nam hiện tại, thì trong tương lai nó vẫn là một cái bánh vẽ. Do đó, sự kiện tuổi trẻ và thanh niên, là những giới thích thiết thực và nhinnie về tương lai, không thiết tha gì về Đảng, không thiết tha gì về Đảng và Bác không có gì lạ. Nhưng nếu giới trẻ, là giới sẽ tiếp

tục mang duốc ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’, thờ ơ với Bác, thì ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ sẽ cùng một số phận của mẫu hình mác-lênin của nó..

Ngày nay tính chất không tưởng, bất khả thi, của chủ nghĩa mác-lênin càng ngay càng rõ rệt. Điều này đã được những công trình nghiên cứu phân tích của Hà-Sĩ-Phu, Nguyễn-Kiến-Giang, Lữ-Phương v.v... chứng minh về lý luận, và sự sụp đổ của các nước Đông-Âu chứng minh về thực tại. Do đó, ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ chẳng có tương lai gì cả. Có lẽ vì vậy mà ông Phạm-Văn-Đồng đã đưa ra phương thức ‘chủ nghĩa xã hội theo bản sắc Việt-Nam’. (66) Nhưng, cũng như ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’ trước nó, ‘chủ nghĩa xã hội theo bản sắc việt-nam’ là gì? Một cái gì thực sự mới, việt-nam, dân chủ hơn, nhân đạo hơn, khả thi hơn, được dân chúng sẵn sàng chấp nhận hơn, hay vẫn chỉ là chủ nghĩa mác-lênin ‘vận dụng sáng tạo’ như ‘tư tưởng Hồ-Chí-Minh’, theo đúng phương thức của Bác : “Dĩ bất biến ứng vạn biến”?

Viết xong ngày 1.6.1996 tại Ottawa

(65) Phạm-Văn-Đồng, *Hồ-Chí-Minh*, sđd., tr. 98.

(66) Như trên, tr. 9, 112.

Tin Nhà

54, avenue Léon-Blum
F-92160 Antony / France
Fax : (33.1) 4590 7529

Ban biên tập/Equipe de rédaction :

Đỗ-Mạnh-Tri, Lê-Thị Bạch-Nhụt,
Hồ-Đinh, Nguyễn-Hữu Tấn-Đức,
Phạm-Đán-Bình, Nguyễn-Văn-Tánh

*

Mỗi năm ra 4 số thường vào bốn mùa

- Âu-Châu : 100 FF hay 600 FB
- Ngoài Âu-Châu : 20 \$US.
- Ngoài ra, những số Phụ bản đặc biệt sẽ được bán riêng.

*

Mua báo dài hạn / Pour vous abonner :

* France :

Association TIN
54, avenue Léon-Blum
F-92160 Antony / France
CCP n° 4.169.17-B Paris

* Belgique :

Mme LE-THI BACH-NHUT
231, rue au Bois
B-1150 Bruxelles/Belgique
Compte n° 210-0676981-70 Bruxelles

* Allemagne :

Hr PHAM-HONG-LAM
BlériotStr., 38
D-86159 Augsburg / Deutschland

* Canada :

M. TRINH-VIET-DUC
B.P. 26008 C. P. Galeries Normandie
2540 De Salaberry,
Montreal, H3M 9E8 / Canada

* Etats-Unis / USA :

M. NGUYEN-HUU THE-TRUYEN
1250, Adams Avenue, Apt # J-101
Costa Mesa - CA 92626 / USA

* Australia :

M. TRAN-NGOC-TA
9, Ellis Parade
Yennora - NSW 2161/Australia
Acc.: 2265-109782 Commonwealth Bank

TIN đã xuất bản

- Thiện Nam Nguyễn-Bá-Tín — *Hàn-Mặc-Tử anh tôi* 1990, 164 tr., giá 60 FF.
- Thế Uyên — *Nguyễn-Văn-Trung và những người công giáo bạn tôi* (phụ bản Tin Nhà), mùa Hè 1991, 18 tr.
- Nguyễn-Ngọc-Lan
 - *Nhật ký 1989-90*, 1991, 256 tr., giá 100 FF.
 - *Nhật ký 1990-91*, 1993, 384 tr., giá 100 FF.
 - *Nhật ký 1988*, 1993, 276 tr., giá 100 FF.
- Chân-Tín — *Nói cho con người* (Hồ sơ) 1993, 72 tr., 30 FF.
- Hà-Sĩ-Phu — *Đôi điều suy nghĩ của một công dân* (phụ bản Tin Nhà), 1993, 60 tr., 30 FF.
- Vũ-Sinh-Hiên — *Hiện tình Giáo hội công giáo tại Tp HCM* Số đặc biệt Tin Nhà - mùa Xuân 1994, 44 tr., 25 FF.
- Bùi-Minh-Quốc — *Mẹ đâu ngờ* (thơ) mùa Xuân 1994, 60 tr., 40 FF.
- Nguyễn-Hộ — *Quan điểm và cuộc sống* mùa Xuân 1994, 60 tr., 40 FF.
- HT Thích Quảng Độ - Đỗ-Trung-Hiếu — *Thống nhất Phật giáo* (Hồ sơ) mùa Đông 1994, 70 tr., 50 FF.
- Thảo-Trường — *Tiếng thì thầm trong bụi tre gai* (9 truyện ngắn), mùa Xuân 1995, 132 tr., 50 FF.
- Đỗ-Trung-Hiếu — *Những người kháng chiến cũ - Lý tưởng và thực tế*, mùa Hè 1995, 112 tr., 75 FF.
- Bên lề cuộc đối thoại dân chủ : *Lữ-Phương - Nguyễn-Kiến-Giang và Nguyễn-Văn-Trung*, (phụ bản Tin Nhà), mùa Đông 1995, 24 tr.
- Hà-Sĩ-Phu — *Chia tay ý thức hệ* (phụ bản Tin Nhà), mùa Đông 1995, 82 tr., 50 FF.
- Đỗ-Mạnh-Tri — *Ngón tay và mặt trăng. Nói với 18 tác giả* của *Giao Điểm*. mùa Thu 1996. 50 tr., 60 FF. kể cả bưu phí.
- Tôn-Thất-Thiện — *Luận bàn về 'Tư tưởng Hồ-Chí-Minh'* Số đặc biệt Tin Nhà (27), mùa Xuân 1997. 32 tr., 25 FF.

Chú ý :

- Trong Âu-Châu, xin thanh toán bằng Eurochèque hoặc CCP (Pháp), đề: 'Association TIN', Antony. Đừng bao giờ gửi Money Order qua Âu Châu!
- Ngoài Âu-Châu, xin thanh toán bằng Bankdraft hoặc Money Order, đề tên người thay mặt Tin Nhà tại Canada, USA, Australia (xem địa chỉ bên trái).
- Giá sách chưa tính cước phí.

Xin bạn đọc tại Hoa Kỳ lưu ý (xem cột bên trái) :
Người thay mặt Tin Nhà và địa chỉ đã được thay đổi.